Số 3 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Aout 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
№ 397

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP-CHÍ REVUE DE L'ANNAM

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

TOÀ BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC-LỤC

1 — **Xả-thuyết** *Cái tinh-thần ái-quốc của người nước An-Nam ta từ xưa đến nay.*

2 — **Việc Gia-đình** *Gia-đình và xã-hội đời nay ở nước Nam.*

3 — **Thường-thức** *Việc pháp-luật : Nói về phạm-vi thẩm-quyền và các việc tố-tụng.*

4 — **Văn-học** *Báo Hữu-Thanh, tình hữu-ái.*

Chính-sách Nhật-Bản cai trị Cao-Ly.

Hán-văn tạp dịch.

Văn thơ.

Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết).

5 — **Thời-Sự** *Cuộc đại-hội của người An-Nam ở bên Pháp.*

Việc nước lụt ở Bắc-kỳ năm nay.

Việc Tư-pháp : bốn tháng giời xét sử ba ông quan.

Giới-thiệu sách mới.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :

từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4$00** ; Nửa năm, **2$20** ; Mỗi số **0$20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandat, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :

Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 3 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Août 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說
XÃ-THUYẾT

CÁI TINH-THẦN ÁI-QUỐC CỦA NGƯỜI NƯỚC AN-NAM TA TỪ XƯA ĐẾN NAY.

Phàm là một nước trong doanh-hoàn, trải bao phen bĩ thái tồn vong, mà giang sơn vẫn y-nguyên, dân-tộc chưa tuyệt-diệt, ấy tất là có một cái tinh-thần cố-kết là cái lòng ái-quốc của quốc-dân, đời ấy nối đời khác, người nọ tiếp người kia, như quên như nhớ, như đứt như liền, mà không ai có thể làm cho đến mất vậy. Vậy thời xem như ở lịch-sử của nước An-Nam ta :

Sử ta, người ái-quốc bắt đầu từ bà *Trưng-nữ-vương*. Bà Trưng-vương giận vì Tô-Định giết mất chồng là Thi-Sách, bèn cùng người em gái là *Nhị*, cất quân đánh Hán, thu-phục giang sơn, đó là vì báo thù cho chồng mà sinh lòng ái-quốc vậy. Nối bà Trưng mà tỏ lòng ái-quốc thời có như ông *Khu-Liên*, bà *Triệu-Ẩu*, vua *Lý-Nam-đế*, vua *Triệu-Việt-vương*, các vua *Mai-Hắc-đế*, *Phùng-Bố-cái*, *Ngô-vương-Quyền*, hai vua *Dẫn-định*, *Trùng-quang*, cho đến vua *Lê-Thái-tổ*, ấy đều bởi cái khí khẳng-khái anh-hùng mà sinh lòng ái-quốc vậy; lại như ông *Lý-thường-Kiệt* đánh Tống, ông *Trần Hưng-đạo* phá Nguyên, hai ông *Đặng-Dung Nguyễn-Xúy* chống nhau với Minh, là ái quốc mà hết chức-phận kẻ làm tướng; ông *Nguyễn-công-Thể* tìm ra sông Đồ-Trú, là ái quốc mà hết chức-phận kẻ văn-thần (1). Tuy rằng thành bại có khác nhau, công lao có khác nhau, mà chút lòng đối với giang sơn đều

(1) Đời vua Dụ-tôn nhà Lê, người Thanh giả lại sưởng đồng Tự-Long cho ta, hẹn lập giới ở trên sông Đồ-Trú. Triều-đình sai ông Nguyễn-công-Thể đi Tuyên-Quang nhận đất. Kẻ thổ-quan ở biên ải Tàu trở lừa một nơi khác, bảo là sông Đồ-Trú, muốn cắt lấy các trại Bảo-Sơn. Công-Thể biết là sự lừa dối, lặn-lội trong lam-trường hiểm trở, nhận ra đích chỗ sông Đồ-Trú, bèn lập bia ở chỗ giới áp-giới.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đã có hiển ra sự-nghiệp. Còn như ái-quốc chỉ là ái-quốc, không có sự-nghiệp mà chỉ có tinh-thần, tính lên thiên cổ, tính xuống nghìn thu, có chăng chỉ có một người là ông *Mạc-ngọc-Liễn* vậy.

Vận nhà Mạc đã suy, thành Thăng-Long bị Trịnh-Tùng đánh phá, chúa Mạc là Mậu-Hợp bị bắt ở chùa Phụng-Nhãn, bêu sống ở Thăng-Long, chém ở bến Bồ-Đề, đưa đầu về Thanh-Hoa, đóng đanh hai mắt để giữa chợ; các con cháu nhà Mạc như Kính-Trỉ, Kính-Phu, Kính-Thận, Kính-Dản, Kính-Tuân cùng tộc-đảng liêu-thuộc một ngày chết chém ở bãi cỏ có hơn sáu mươi người; vương hầu tôn-thất của họ Mạc như Kính-Chương, Kính-Khoan còn tản-mác các nơi, cùng chúa Trịnh vua Lê đánh nhau hết sức. Khi ấy có người tướng nhà Mạc là *Ngọc-Liễn* chốn náu ở bắc-phương, cũng tìm được người con Mạc, Kính-Điển là Kính-Cung, dựng lên làm vua, đặt niên-hiệu là Càn-Thống, giữ châu Yên-Bác ở Lạng-Sơn. Sau họ Trịnh phải quân lên đánh, *Ngọc-Liễn* chạy sang Tư-Minh (1) rồi lại về giữ châu Vạn-Ninh (nay là Hải-Ninh); Kính-Cung thời chạy sang Long-châu (2). Đến khi *Ngọc-Liễn* ốm gần chết, để thư lại đưa cho Kính-Cung rằng:

«... *Họ Lê lại nổi lên, cũng là số-vận. Dân ta không có tội gì, mà chỉ làm*
« *cho phải chịu mãi những mũi tên hòn đạn; nghĩ như thế, nỡ lòng nào. Nay*
« *ta nên lánh ở ra nước khác, giữ lấy mình là hơn, chớ lại cùng với*
« *họ Lê đánh nhau mãi; lại thiệt chớ nên rước người Minh về nước mà*
« *để cho dân ta đến nỗi lầm-than...*»

Ôi! quý-hóa thay, mấy câu nói lúc lâm-chung của kẻ trung-thần nhà Mạc kia, khiến cho sau nghìn thu ai đọc ai xem, còn như thấy cái tấm lòng yêu nước thương dân chứa-chan trên mặt giấy. Như thế là ái-quốc, không có vì chi mà ái-quốc, ái-quốc bằng một cách đạo-đức chân-chính vậy.

Nghĩ như nước ta từ xưa mà nếu không có những người ái-quốc đó, thời con Hồng cháu Lạc có nhẽ đã sớm như giống người da đen ở châu Úc, giống người da đỏ ở châu Mỹ, cũng là giống sinh-phiên ở Đài-Loan; còn đâu mà cùng nhau sinh-sản ở ba kỳ, mà mong những văn-minh tiến-hóa! Vậy mới biết cái tinh-thần ái-quốc là quí, giang sơn chủng tộc, nhờ ở một chút lưu-truyền bất-tuyệt đó mà mới còn có như ngày nay.

Gần nay, hai chữ "ái-quốc" lại mới như gây thành một cái phong-trào, trừ một hạng người ngu-dân ở thôn quê, cùng những hạng ngoan-độn vô sỉ, chơ như đá, nhẫn như đồng không kể; còn phàm là hơi có học-vấn, hơi có tâm-huyết, đều như tự hứa mình là người ái-quốc cả. Vậy thời cái hiện-tượng đó ra làm sao? Nay xin cùng những nhà ái-quốc, bàn luận về cái nghĩa ái-quốc:

1.2.—Tư-minh, Long-châu là hai phủ thuộc tỉnh đất Quảng-tây của tầu, giáp giới với tỉnh Lạng-sơn ta.

1) *Ái-quốc bằng đạo-đức.* — Lấy đạo-đức ái quốc thời thành-thực mà bình-hòa, không vì một người ngoài khuyên dục, không vì một phong-trào khích-thích, chỉ là tự mình thấy nước là đáng yêu thời đem lòng thành-thực mà yêu. Sự yêu đó chỉ nghĩ sao cho có ích-lợi cho nước, ung-dung trầm-nghị, không sốt-sắng, cũng không ngã lòng, không lấy quá-khích làm đáng quí, không vì thế lợi mà biến-thiên. Hạng người ái-quốc đó là một.

2) *Ái-quốc bằng nhiệt-thành.* — Lấy nhiệt-thành ái-quốc thời hùng-dũng mà sốt-sắng, hoặc là tự mình thấy nước là đáng yêu, hoặc là vì một người ngoài khuyên dục, vì một phong-trào khích-thích mà đem lòng sốt-sắng mà yêu. Sự yêu đó cũng chỉ nghĩ sao cho có ích lợi cho nước, hô hào bôn tẩu, không hồ-nghi, không thoái chí, không lấy ung-dung làm đáng quí, không vì khuất-triết mà biến-thiên. Hạng người ái-quốc đó là hai.

Hai hạng người ái-quốc đó, nghĩ đều là đáng quí. Song có nhiệt-thành mà không lấy đạo-đức làm căn-cơ, thời cái nhiệt-thành ấy cũng dễ nguội; có đạo-đức mà không lấy nhiệt-thành làm công-dụng, thời cái đạo-đức ấy cũng không công. Hợp đạo-đức cùng nhiệt-thành mà mới là một nhà đại ái-quốc vậy. Vậy mà xem như trong xã-hội ta nay, nhiệt-thành là ai? đạo-đức là ai? cả nhiệt-thành đạo-đức là ai? Bảo rằng không, không phải thật không; bảo rằng có, có chăng hiếm có vậy. Ngoài hai hạng người đó mà tự hứa mình là ái-quốc, thời lại cũng có hai hạng người: một là *lấy khách-khí ái quốc*, hai là *lấy lợi-dụng ái quốc*. Lấy khách-khí ái quốc thời tự mình nguyên không thấy nước là đáng yêu, chỉ vì có người ngoài xu dục, có phong-trào khích-thích mà cũng tỏ lòng sốt-sắng, khi vui thời vỗ tay vào. Sự ái-quốc của một hạng người đó, như cái tính hăng-hái của người say rượu kia; hơi men đã nhạt thời hăng-hái không còn, phong-trào đã tàn thời sốt-sắng cũng nguội vậy. Tuy vậy, trong xã-hội không có được nhiều những người ái-quốc đó, thời các nhà nhiệt-thành đạo-đức cũng không ái quốc được cùng ai; cho nên dù giá-trị xem với hai hạng người trên kia có kém xa, mà cũng là đáng quí. — Đến như lấy lợi-dụng ái quốc thời không thể gọi là người ái-quốc, mà thật là có tội lỗi với hai chữ "ái-quốc". Hạng người đó thừa cái phong-trào, mượn hai chữ "ái-quốc" để lừa dối thiên-hạ, nhỏ thời kiếm chút lợi riêng cho một thân, nhớn thời có khi làm hại đến chủng-tộc. Sự ái-quốc của một hạng người đó, chỉ như khẩu súng lục của lũ côn-đồ, quyền hình-luật của bọn tham-ô vậy.—Ngoài hai hạng người đó, cũng lại còn có thứ người nữa. Hạng người này, nguyên trước là nhiệt-thành ái quốc, sau hoặc vì thời-cục, hoặc vì cảnh-ngộ, hoặc vì một việc riêng mà nhiệt-thành biến ra lãnh-huyết, ưu thời mẫn thế quay ra phản phệ đồng-bào; cái tài trí đủ đánh lừa được thiên-hạ, cái sự-tích đủ đánh lừa được thiên-hạ, cho nên xem với hạng người lợi-dụng ái-quốc kia lại càng là nguy-hiểm cho quốc-dân vậy. Chúng ta chớ nên thấy hai chữ ái-quốc là đáng quí mà tin cả những người ái-quốc đó là đáng thân. Tôi viết đến đoạn này, tôi sợ hoặc có người cho rằng làm trở-ngại cái lòng ái-quốc của quốc-dân. Dù có

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

như thế chăng, song thà rằng trong quốc-dân có ít người ái-quốc, còn hơn là có nhiều những thứ người ái-quốc ; thà rằng trong quốc-dân ít người biết quí chữ "ái-quốc", còn hơn là có nhiều người bị hại vì hai chữ "ái-quốc". Ông Sái-Tủng-pha lúc lâm-chung, có đối với những người chung-quanh mà nói rằng : *« Xin các ông lấy đạo-đức yêu nước »*. Cứ thời-cục của ta nay mà nghĩ, tôi cũng muốn thuật theo ý đó mà đem cống-hiến với đồng-bào ; mong rằng đồng-bào ta, ai nấy đều đem lòng thành-thực mà yêu nước, bằng một cách bình-hòa, hãy cốt giữ lấy cái tinh-thần của tổ-tiên ta tự mấy nghìn năm trước.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính cáo

1· — Sang đầu tháng chín tây, Bản-chí phải cần tiền để giả nhà in và chi tiêu các việc, vậy thưa các Ngài mua năm và nửa năm An-Nam-tạp-chí, trừ những Ngài nào đã giả tiền và những Ngài ở xa nhà giây thép mà đã có viết thư về nói, không kể **; còn thời xin gửi mandat về giả cho**. Đa tạ.

2 — Ngài nào ở xa gửi mandat giả tiền tạp-chí, **xin cứ giữ talon (cái cuống măng-đa) làm bằng**, cho Bản-chí khỏi phải gửi tờ biên-nhận.

3 — Các Ngài mua năm và nửa năm tạp-chí, Bản-chí có vào sổ và gửi báo đi chu-tất, mà thấy có nhiều Ngài viết thơ về nói là không tiếp nhận được, hoặc số nhất, hoặc số hai ; vậy thời không biết sự thất-lạc đó là vì đâu, Bản-chí đã phải gửi đền những số báo mất ấy. Sau này Bản-chí sẽ nhờ sở Bưu-điện tra xét, có nhẽ sẽ được chu-tất hơn.

An-Nam Tạp-Chí

社會之家庭說

GIA-ĐÌNH

Gia-đình và xã-hội đời nay ở nước Nam

Bản-chí mở ra mục Gia-đình này, mong được cùng các quân-tử chuyên giảng-cứu về gia-đình của xã-hội. Nay được ông Tạ-quang-Cát trước hết biểu đồng-tinh mà cho văn lại-cảo; vậy xin y nguyên-văn kính đăng, để Độc-giả chư-tôn đồng lãm.

An-Nam Tạp-chí

Bổn-phận cha mẹ đối với con và bổn-phận người con đối với cha mẹ

Phàm làm người ở đời, dù có vô tri-giác đến đâu đi nữa, ai ai cũng biết công ơn và kính mến cha mẹ. Cha mẹ là gì? Có phải là những người như mọi người khác có đủ thất tình, biết mừng, biết giận, biết buồn, biết vui, biết yêu, biết ghét, biết loại ý muốn mình không? Con là gì? con cũng thế, cũng là người đó. Cha mẹ sinh ra con, con sinh ra cháu, cháu sinh ra chắt, cứ thế luân-chuyển mãi mãi, đời nọ sang đời kia mà gây thành loài người. Việc đó là do Tạo-hóa dựng nên. Loài người là cái máy hành-động sinh diệt của Tạo-hóa. Vậy công sinh-thành của loài người nên lụy vào Tạo-hóa thì mới đúng. Vậy ta thử nghĩ xem, con có lợ cha mẹ không, cha mẹ có quyền nhất-thống cậy vào mấy chữ « *cù lao dưỡng dục* » để làm cái lụy mà áp-chế con không? Tôi thiết nghĩ « *cù lao dưỡng dục* » là cái lụy chung của loài người, chứ không phải cái lụy riêng của cha mẹ đối với con mà thôi. Nếu là cái lụy riêng thì công cha mẹ to biết dường nào, ca tụng suốt năm nọ sang năm kia cũng không hết; quyền cha mẹ do đó có lẽ lớn hơn quyền một ông vua vậy. Cha mẹ có thể hiền-lành như bụt, có thể ác-nghiệt như hùm, thế nào con cũng phải cúi đầu cam chịu. Cha mẹ có thể nhắm mắt cậy vào mấy chữ « *công cha như núi Thái-sơn; nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra* », mà bắt con chết thì phải chết, để sống thì được sống, chứ con dù thông-minh sáng suốt đến đâu nữa, cũng không có phép cưỡng lại. Nếu con cưỡng lại mà phân-trần lẽ phải với cha mẹ thì sẽ bị mang tiếng với những kẻ ngu-hèn cười là con bất-hiếu cãi lại cha mẹ. Điều đó cũng có lẽ; song làm cha mẹ đời nay, ta phải nên hiểu một tý mới được: thời nào phải theo kỷ-cương ấy, ta phải nên biết thương lấy con, giáo-dục cho nó nên người thông-minh dĩnh-ngộ hơn mình, để cho nó có quyền tự-do sử-chí việc đời, còn ta là cha mẹ, chỉ nên coi ta là một bậc lão-thành để trông nom kiểm duyệt cho con ta những cái sơ-xuất mà thôi. Ta đã chắc đâu rằng cứ hễ là cha mẹ thì cái gì cũng khôn cả ư. Nếu ta nghĩ thế thì nhầm to. Ngạn-ngữ có câu rằng: « *Con hơn cha, nhà có phúc,* » thế mà ta cứ ỷ quyền là cha mẹ áp-chế con, chẳng hóa ta ngu biết dường nào, đến nỗi không hiểu câu tầm-thường đó ư.

Ta phải nên xét cho kỹ rằng: nước ta từ trước đến giờ, đã lâu đời bị thấp hèn, cũng chỉ vì tại chìm đắm nhu-nhược

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

trong vòng luân-lý hẹp-hòi của ta, cũng chỉ vì ta là cha mẹ không có đại lượng, không có chí cải-tạo gia-đình ta cho hợp thời, thế đủ biết rằng lụy vào luân-lý thì ít, chứ lỗi là lỗi tại ta hẹp-lượng, cho nên gia-đình xã-hội đến nỗi ủy-mỹ như bây giờ. Ở nước Nam ta, trong nhà thì gia-đình a-dua nhau, hạn-chế quyền cha mẹ đối với con, ngoài quốc-gia thì nền quân-chủ làm cho dân không có một chút nhân-quyền gì, hai cái đó là hai cái nguy-hiểm cho sự tiến-hóa trong nước vậy. Bây giờ ta đã tỉnh dậy, nếu ta muốn cho nước ta chóng mau chân trên con đường tiến-hóa văn-minh như người, ta đã tự-phụ là cha mẹ, ta nên giải-quyết thế nào lập nên một con đường hướng-đạo cho các gia-đình, làm cho cha con biết thương yêu nhau, trên trông xuống, dưới trông lên, cha phải biết phận cha, con phải biết phận con, đừng có lạm quyền mới được. Cha mẹ đối với con, con đối với cha mẹ, chỉ có thể lấy tình nghĩa tự-nhiên mà cảm-hóa nhau; còn cái quyền làm người thì cha con nên được tự-do, cha mẹ không nên ỷ quyền áp-chế, hoặc không nên cậy công sinh-thành. Nói cho đúng ra, ta nên hiểu rằng con chỉ nợ mình có công giáo-dục mà thôi, nếu mình hẹp lượng, muốn rằng sau này con nó báo-đáp cái công của mình, mình muốn bắt nó chết, nó phải chết, để nó sống, nó được sống, thì đừng cho nó học gì hơn bằng mình uốn-nắn từ lúc bé, cho nó ngu hơn mình, cho nó thành một con vật nô-lệ của mình, để chuyên về việc đền ơn giả nghĩa sinh-thành. Như thế cha mẹ để đánh thuế con là vì muốn bảo sao được vậy. Như thế các gia-đình khốn-nạn thấp hèn sẽ khỏi inh-ỏi, khỏi điều nọ tiếng kia. Kế đó là kế thoái bộ, song ở đời nào nước nào cũng thế, được điều nọ hỏng điều kia là thường.

Hoặc-giả muốn tiến-bộ mau một tý, ta là cha mẹ, ta nên lo lấy thân ta, đừng có để tâm bắt khoán con, bắt thuế con; ta phải lấy lẽ công-bình làm tột-điểm để sử-đãi với con, còn về phần ta đến khi già yếu, chẳng có nhẽ nào con ta quên câu « phụ-tử tình thâm » mà quên ta được. Ta chỉ cốt ăn ở thế nào cho khoát đạt đại-độ, làm hết bổn-phận là cha mẹ, ăn ở với con cho hết lòng Thế là ta đã làm cái gương tốt cho con ta đó. Còn các con ta nếu đã có cái học-thức thông-minh thì tự khắc là phải sử, nhược bằng không, ta cũng mặc giời. Ta phải nên nghĩ cho kỹ rằng ông Tạo hóa đã sinh ra giống người, dù dại dột, dù khôn ngoan, dù mạnh khỏe, dù già yếu, dù thế nào đi nữa, cũng không lo đói; giời sinh voi, giời sinh cỏ, ta phải nên có cái chí quảng-đại mới được.

Kể như vấn-đề cha con ăn ở với nhau thì chỉ cốt ở tình nghĩa, không phải là cốt ở luật-pháp. Song việc gì cũng vậy, nếu không có một cái gì làm đích để theo thì người ta ai đã mạnh thế, cứ ỷ thế mình; ai đã yếu hèn, cứ phải chịu lụn-bại mãi, không hề mở mặt lên được.

Vậy ta đây là những cha mẹ thức thời thiệp thế, ta nên bỏ hết cả lòng nhỏ nhen đi mà nghĩ thế nào cho vấn-đề cha con được thảnh-thơi, các gia-đình được dễ thu-xếp, trong ấm ngoài êm, thì xã-hội cũng được mau tiến-hóa văn-minh như người, vì gia-đình là gốc xã-hội. Ta mong rằng sẽ có một đạo luật thi-hành để hạn-định quyền cha mẹ đối với con và bổn-phận con đối với cha mẹ, để cho người ta biết đường mà theo, khỏi hiểu nhầm.

Bổn-phận cha mẹ đối với con

Khi con giai con gái đã ngoài 23 tuổi rồi thì cha mẹ không có quyền hạn-định gì con nữa. Dù cha mẹ với con cái vẫn ở một nhà chăng nữa, cũng nên cho tự-do. Cha mẹ chỉ dùng lời khuyên răn mà đãi với con thôi. Nếu con có tài trí cao hơn mà không nghe cũng tùy ý, hay thì ăn người, dại thì người ăn, lẽ đó là lẽ chung của tất cả mọi người, chưa chắc cha mẹ mười điều hay hơn con cả mười được, nên nghĩ thế mới phải.

Bổn-phận con đối với cha mẹ:

Đến ngoài 23 tuổi, con cái không phải tòng quyền cha mẹ nữa, nhưng luật bắt rằng khi bố mẹ già-yếu không làm gì được, con phải trông coi cha mẹ thế nào cho phải đạo làm con và phải dành cho cha mẹ hai mươi phần trăm tiền lương của mình làm. Nếu con có thể tùy tâm dành cho cha mẹ bội phần thì hay lắm, nếu kém 20 °/. sẽ bị luật-pháp hình phạt. Không những là dành tiền cho cha mẹ mà đủ, còn phải yêu mến kính trọng cha mẹ nữa, nếu cha mẹ để quyện cho mà không biết cư-sử, hoặc ngược-đãi, cha mẹ sẽ lấy chứng cớ mà làm tội con được.

Nói tóm lại thì luật-pháp chỉ dùng cho những kẻ ngu dại ương gàn, còn đối với cha mẹ con cái có học-thức, có giáo-dục thì luật chính là thừa vậy.

Luận-giả viết bài này, cũng vì đã là người cha quá nghiêm-khắc đối với con, nên bây giờ hối bất-cập. Nghiêm-khắc quá, đến nỗi con giai mình cũng là bậc thông-minh sáng suốt bằng người mà không chịu nổi, đến nỗi bắt giai bỏ vợ phải bỏ, gái bỏ chồng cũng phải theo. Thế cũng quá thật. Tưởng thế là mình đắc-thắng quyền là cha, không ngờ rằng mình có quyền mình, con có quyền con, thì mới công-bình. Song vì con mình không có phép cưỡng lại, không chịu nổi sự cưỡng-bách áp-ức của mình, bèn tự-vẫn; còn con gái cũng bỏ nhà, theo thói trăng-hoa. Ôi, đáo sự thì việc đã rồi, mới biết là mình phạm tội to; nhưng biết làm sao đây? Trước kia gia-đình mình vui-vẻ sầm-uất biết dường nào, con giai làm thông-phán, con gái buôn bán giỏi-dang, vợ chồng già trông con chẳng ngại gì; đến nay thành ra thất cơ lỡ vận, vợ chồng già lại phải lầm than lỡ bữa sớm chưa, thật là ngao-ngán nỗi. Lắm lúc ròng châu lã-chã, ruột gan rầu-rĩ như kim châm, hình như cái oan-hồn của con mình nó vơ-vẩn đâu cạnh mình, than thở khóc lóc; mình thành ra ngẩn-ngơ, lúc nào cũng lo vơ nghĩ vẩn. Thế mới biết người có tội tuy không bị luật-pháp hình-phạt, nhưng lương tâm mình dầy-vò mình cũng quá luật-pháp, có nhẽ làm cho mình héo-hắt đi mà chết được; vậy bèn nghĩ một cái mối để gỡ tội mình. Song trước khi gỡ tội mình, liền để ý dò xét xem các gia-đình khác có thế không, hay duy chỉ có gia-đình mình mà thôi. Non một năm giời xem xét thì nhỡn-tiền trông thấy hầu khắp là cũng một bệnh cả: nhà này cha mẹ ta-thán là con theo luật tây, tự-do bình-đẳng, hay trái quyền cha mẹ; nhà kia con cứ khóc lóc rằng cha mẹ không trông xuống, không đại-lượng, không biết thương con, không biết thời thế mà châm-chước cho con: nhà kia nữa thì cha mẹ phàn-nàn là nuôi con nhớn lên, con xin ra ở riêng, thật là trốn việc thần hôn định tỉnh; nhà khác thì cha mẹ rượu chè be-bét, đánh cần chửi bậy, rầm sóm rầm riềng, ỉnh-ỏi cả ngày cả đêm; rồi cứ thế mà lây nhà nọ sang nhà kia, dần dần cha mẹ nào cũng theo cái gương ấy cả.

Thế đủ chứng cớ rằng không phải riêng mình có tội, phần nhiều là cha mẹ kẻ khác cũng đồng tội; vậy phải làm thế nào mà sử được tội mình đã, ắt là gỡ tội được cho kẻ khác. Bèn nghĩ rằng muốn sử tội mình không gì công-hiệu bằng phô bày trên tờ báo, giãi tỏ căn bệnh, phân-trần phải trái, để trước là thú tội mình, sau là nhắn nhủ các người cha mẹ đời nay nên nghĩ lại rằng: con ta không phải là riêng của ta đâu, không phải là con vật nô-lệ của ta đâu; con ta là người đó, lúc bé là con ta bổn-phận ta đẻ con ra phải nuôi con, không nên kể công: vì con mình nó có cầu mình cho nó ra đâu, chỉ chính mình làm cho nó sinh ra, chính mình cầu nó để nuôi nó, để giả nợ mình cho xã-hội nên đến lúc nhớn là con xã-hội quốc gia. Vậy khi con ta trưởng-thành, ta hãy cho tự-do hành-động, lo việc đời việc nước.

Thực thế. Có nhẽ nhà ta có phúc đó, nước ta đạt vận đó, nên cháu phải khôn hơn ông, con phải khôn hơn cha, mới mong sống được ở thời buổi mới này.

Mấy nhời nhắn nhủ các bậc cha mẹ là thế, các người làm con ở đời nay có hài

lòng không? Nhưng dừng nên lạm quyền tự-do mà hỗn-hào với cha mẹ thì may cho phong-hóa tân-thời lắm.

. . . . . .

. . . . . .

Ối con ơi! vì cha, con đã thác oan uổng cái thân con; nay cha đã hiểu thấu căn-nguyên rồi, hồn con có thiêng-liêng, nên nguôi dận mà hiểu tình cho cha, mà thương cha! Cha đây xin nguyện chuộc tội cha, để giả lại oan cho con. Ối con ôi! Oan con đó, Oan con lắm đó!

Tạ-quang-Cát.
Hải-phòng

常識之部

THƯỜNG-THỨC

VIỆC PHÁP LUẬT
Nói về phạm-vi thẩm-quyền và các việc tố-tụng.

Tổng-lệ quyền quản-hạt của các nha-môn.

1° — Thuộc về hình-sự, tòa-án có quyền thẩm-phán là tòa án sở-tại ở chỗ mà tội-phạm đã phát-sinh ra, bất cứ là trọng tội, khinh-tội, hay là tội vi-cảnh, đều do ở tòa án ấy có quyền thẩm-phán tất cả. Người tòng-phạm và người chánh-phạm cũng xử ở một tòa án có quyền thẩm phán.

2° — Thuộc về dân-sự, thương-sự, nếu vật bị kiện là bất-động-sản, thì tòa án có quyền thẩm-phán là tòa án sở-tại chỗ bất-động-sản ấy. Nếu có nhiều bất-động-sản ở rải-rắc các quản-hạt khác nhau, thì quyền thẩm-phán thuộc về tòa án sở-tại cái bất-động-sản nào, tùy người nguyên-cáo được chọn. Thí dụ như Giáp bán cho Ất hai cái nhà gạch và một mẫu ruộng, một cái nhà gạch ở tỉnh Hà-đông, một cái nhà gạch ở tỉnh Nam-định, và một mẫu ruộng thì lại ở tận tỉnh Bắc-Ninh. Giáp viết văn-tự rồi không chịu giao nhà và ruộng cho Ất, hoặc có sự gì phân-tranh đến nhà ấy, ruộng ấy, thì Ất tất-nhiên phải đi kiện, mà đi kiện thì Ất làm đơn kêu ở đâu? Ở Hà-đông, ở Nam-Định, ở Bắc-Ninh, chỗ nào cũng được. Ất có quyền được chọn.

Nếu vật bị kiện là động-sản hay là tiền-bạc, thì quyền thẩm-phán thuộc về tòa án sở tại chỗ trụ-quán người bị cáo. Thí dụ như tên Quýt ở Hải-dương vay của tên Soài ở Sơn-tây một trăm đồng bạc, đến hạn không trả; tên Soài muốn thưa lấy món nợ ấy thì tất phải làm giấy thưa tại tòa án tỉnh Hải-dương là chỗ trụ-quán của tên Quýt.

Lại còn một lẽ nữa là hai bên nguyên-cáo bị-cáo, không cứ là có cư-trú ở chỗ sở tại ấy hay không, đều có thể một là đồng-ý với nhau, đem việc kiện thưa ở tòa nào cũng được; hai là đem việc kiện của mình ra thưa ở tòa Sơ-cấp sở-tại chỗ kết-ước với nhau chưa quá 30 ngày, và giá-ngạch không quá thẩm-quyền của toà Sơ-cấp.

Nếu vật bị kiện vừa động-sản, vừa bất-động-sản, thời quyền thẩm-phán thuộc về tòa án Sơ-cấp chỗ trú-quán người bị cáo hay là chỗ bất-động-sản, tùy người nguyên-cáo được có quyền chọn. Nếu kiện về việc thừa-kế, thì quyền thẩm-phán thuộc về tòa án Sở-tại chỗ phát sinh ra việc thừa-kế. Người đương-sự cũng có thể định một chỗ chú-quán tạm-thời để thi-hành những việc trong văn

thư khế-ước, nếu gặp trường-hợp như thế thì quyền thẩm-phán cũng thuộc về tòa án chỗ trú-quán tạm ấy.

Nếu gặp khi xảy ra có việc kiện về dân-sự hay thương-sự, giá-ngạch thuộc về thẩm-quyền tòa án Sơ-cấp, mà người nguyên-cáo hay là người bị-cáo lại chính là quan thẩm-phán ở tòa án Sơ-cấp, thì dù thế nào mặc dầu, được có đặc-quyền đem việc kiện thưa tại tòa án Đệ-nhị-cấp có quyền quản-hạt. Quan Chánh tòa án đệ-nhị-cấp có quyền được tiên-tương đòi nguyên bị đến trước mặt, điều-đình về việc giải hòa. Gặp việc kiện dân-sự hay thương-sự nào mà người nguyên-cáo hay là bị-cáo lại chính là quan thẩm-phán Annam tại tòa án đệ-nhị-cấp thì cũng vẫn thuộc về tòa án ấy xét-xử; nhưng phải do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chiếu đồng-ý quan Nam-án thủ-hiến, cử một quan thẩm-phán Annam khác thay quan thẩm-phán đương bị kiện ấy. Nếu ở tòa án đệ-tam-cấp cũng xảy ra việc giống như thế, nghĩa là phát-sinh ra một việc khánh-tố nào mà người nguyên-cáo hay bị-cáo cũng lại chính là quan thẩm-phán Annam ở tòa ấy, thì cũng vẫn do tòa ấy xét xử, còn sự điền khuyết thì cũng giống như việc xảy ra ở tòa án đệ-nhị-cấp đã nói ở trên.

Ta đã nói đến phạm-vi thẩm-quyền của các nha-môn, tưởng cũng không nên bỏ nhẵng đến người chủ-động ở các nha-môn mà không nhắc qua đến. Chủ-động là ai ? là những quan tòa và các viên phụ-thuộc vậy.

Ở Đông-Pháp Tư-pháp-viện thì có quan Tư-pháp Tổng-trưởng đứng đầu, có quan Phó-tổng-trưởng và mấy ông quan tòa giúp việc. Ngài coi hết cả các công-việc và các viên-chức trong ngạch Tư-pháp, cũng như các quan Thống-sứ, Thống-đốc, coi hết cả những việc cai-trị thuộc về từng xứ một, quan Tài-chính Tổng-trưởng đứng đầu ngạch tài-chính, quan Thương-chính Tổng-trưởng đứng đầu ngạch thương-chính vậy. Dưới quyền quan Tổng-trưởng thì có các quan Chưởng-lý thừa hành mệnh-lệnh, và chủ-trương những kỷ-luật trong viện Tư-pháp, phát-hành những quy-tắc, tống-đạt những án-văn của tòa Thượng-thẩm đã kết-nghĩ. Chức Chưởng-lý làm môi-giới cho quốc-dân đối với thẩm-phán nha-môn, không có quyền kết án, nhưng có quyền được can-thiệp đến việc thẩm-phán, như là thấy các tòa án xử bất-bình thì chống án lên tòa Thượng-thẩm, thấy người can-phạm nào bị tội oan thì biện-hộ để xin tòa tha tội cho, thấy người can-phạm nào phải tội nhẹ, hoặc không đáng tha mà được tha thì khép tội nặng xin tòa tăng án lên, vân vân . . . Ở Hanoi và ở Saigon mỗi nơi có một tòa Thượng-thẩm thì mỗi nơi có một quan Chưởng-lý và mấy quan Phó-chưởng-lý giúp việc.

Ở những tòa án Sơ-thẩm thuộc về tòa án tây, mỗi tòa có một quan Biện-lý. Chức-vụ các quan Biện-lý cũng giống như các quan Chưởng-lý, sở-sự không khác gì nhau trách-nhiệm không khác gì nhau, chỉ có một điều khác nhau là cái phạm-vi quyền-hạn của chức Chưởng-lý thì rộng hơn và to hơn của chức Biện-lý mà thôi vậy. Có người tưởng rằng quan Biện-lý cũng như quan Chưởng-lý, cũng có thể xét xử được những án các tỉnh, và coi hết tất cả các công việc ở ngạch Tư-pháp ; chẳng hóa ra nhầm lắm ru ? Muốn cho dễ hiểu thì ta nên thêm một câu vắn-tắt rằng : « Phạm-vi của chức Biện-lý chỉ ở trong một tòa án Sơ-thẩm mà thôi ; còn phạm-vi của chức Chưởng-lý thời lan rộng ra hết thảy những nơi mà việc thuộc về tòa Thượng-thẩm sở-thuộc về quyền-hạn của mình ?

Mỗi tòa Thượng-thẩm lại có một quan Chánh-nhất đứng đầu các quan Thẩm-phán. Quan Chánh-nhất có quyền thay đổi và xếp đặt các quan tòa về ban Thẩm-phán, được tùy-tiện công-khai phiên tòa, chuẩn-định án-kỳ và thi-thiết những hiệu-lệnh thuộc về quyền Thẩm-phán. Dưới quyền quan Chánh-nhất thì có các quan Chánh-tòa, các quan Cố-vấn và Tham-nghị. Quan Chánh-nhất có đặc-quyền về ban Thẩm-phán cũng như quan Chưởng-lý có đặc-quyền về việc chấp-hành hiệu-lệnh vậy.

Trong mỗi một tòa án thì lại có một viên Lục-sự, các viên Tham-tá lục-sự, các viên Tham-tá thông-ngôn, các viên Thư-ký Thông-ngôn và các viên Ký-lục giúp việc.

Về việc thẩm-phán ở các tòa Nam-án xứ Bắc-kỳ thì ở tòa đệ-nhị-cấp (tức là tòa Thượng-thẩm hay là tòa Phúc-thẩm), quan Chánh-án tất phải là người Đại-Pháp, do quan Chánh-nhất đồng ý với quan Tổng-trưởng lận-cử ra. Phiên tòa nào cũng phải có 3 ông ngồi xử : một quan Chánh-án, một quan Cố-vấn người Đại-Pháp và một quan Tổng đốc hoặc Tuần-phủ, Án-sát Annam làm Tham-nghị. Ở tòa Thượng-thẩm thường có hai ông quan Annam, hàm từ Án-sát, Tuần-phủ trở lên, một ông chuyên coi về việc hộ, và một ông chuyên coi về việc hình. Ở tòa đệ-nhị-cấp (tòa án tỉnh), quan Chánh-án cũng tất phải là người Đại-pháp, hoặc do chân quan tòa ở viện Tư-Pháp bổ ra, hoặc quan Chánh-công-sứ hay quan Phó-công-sứ kiêm nhiếp chiếu theo thể-lệ định ở điều III trong sắc-lệnh quan Tổng-thống Đại-Pháp ngày 16 tháng Février 1921. Ở các tỉnh lớn thường lại có đặt thêm một ông quan An-nam ngang hàm Án-sát trở lên, để giúp quan Chánh-Án giữ chức dự-thẩm về hình-sự, hay là giữ chức điều-tra về dân-sự. Những chức ấy không khi nào vì lẽ gì được dự quyền phán-đoán việc án. Còn như ở tòa Sơ-cấp thì đặt một quan Thẩm-phán xét xử một mình. Chức ấy hoặc chiếu thường do quan Hành-chánh đầu trong địa-hạt kiêm-nhiếp, hoặc bổ riêng một quan Thẩm-phán chuyên-nhiệm; nhưng hiện nay chưa có chân Thẩm-phán tốt-nghiệp chuyên-môn, nên việc xét-xử hãy tạm giao cho các quan đầu trong địa-hạt, như là quan Phủ, quan Huyện, quan Châu kiêm-nhiệm.

Về việc tuyển-bổ, thì từ quan Tư-pháp Tổng-trưởng giở xuống cho đến những viên Lục-sự chánh-ngạch (thuộc về ngạch người Pháp) thì do sắc-lệnh quan Giám-quốc Đại-Pháp nghị-định. Hai chức quan Annam ở toà đệ-tam-cấp thì do quan Toàn-quyền Đông-Pháp, Khâm-sai Nam-triều chọn bổ; Còn những viên-chức từ Tham-tá lục-sự giở xuống, về ngạch tây-án thì do quan Tư-pháp Tổng-trưởng chọn bổ; về ngạch Nam-án thì do quan Thống-sứ chọn bổ. Các quan Cai-trị, các quan Phủ, Huyện, Châu kiêm-nhiếp việc thẩm-phán; chứ các quan Thẩm-phán chuyên-môn do sắc-lệnh quan Giám-quốc hoặc nghị-định quan Tư-pháp tổng-trưởng tuyển-bổ, thì sự tuyển-bổ vẫn theo như lệ cũ, nghĩa là do nghị-định quan Toàn-quyền, hoặc do nghị-định quan Thống-sứ.

Về các việc tố-tụng.

Ta đã hiểu phạm-vi quyền-hạn của các nha-môn, chức-vụ của các thẩm-phán thì việc tố-tụng mới biết rõ nơi nào là quản-hạt mà đầu khiếu mới có sở-cứ. Thế là ta đã thông đường thuộc lối rồi, biết có chỗ sở-cứ rồi, nhưng còn cách-thức tố-tụng ra sao, làm thế nào cho phải thể, gặp mỗi trường-hợp khác nhau thì cách-thức lại phải tùy cơ mà ứng-biện; vậy ta cũng nên suy cứu qua một tầng nữa mới khỏi cái sự sai lầm trong khi xảy ra việc kiện-tụng. Các việc tố-tụng thì cần nhất là đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện tất phải là người nào có việc quan-hệ đến mình mới được đứng tên, mới được đầu đơn cáo-tố ở các nha-môn. Muốn thưa kiện gì thì trước hết phải làm đơn, trong đơn ấy người nguyên-cáo phải kể rõ họ, tên, niên-canh, chức-nghiệp, sinh-quán, trú-quán ở đâu, kể cả họ và tên cùng cả sinh-quán, trú-quán của người bị-cáo, duyên do công-việc xảy ra thế nào, thỉnh-cầu những gì, kết-luận thế nào, có giấy má gì làm bằng-cứ mà có quan-hệ, có bổ-ích cho việc kiện thì cũng dính cả vào sau lá đơn ấy, cuối đơn thì người nguyên-cáo phải chính mình ký tên, nếu không biết ký thì phải điểm-chỉ, mà điểm-chỉ thì phải có người đứng nhận thực; người nào đại-tả lá đơn ấy cũng phải đứng tên vào đơn và kể rõ tên họ và trú-quán nữa. Còn sự đầu đơn đến các nha-môn thì chính mình người nguyên-cáo cầm đơn đến, hoặc gửi nhà giây thép cũng được cả.

Người vợ có việc thiết-kỷ của mình mà phải đầu đơn khởi kiện thì trong đơn phải có chữ của người chồng cho phép. Người vị-thành đinh có việc thiết-kỷ của mình mà phải đầu đơn khởi-kiện thì trong đơn phải có chữ ký của người cha hoặc chữ ký của người mẹ, hoặc chữ ký của người giám-hộ, hoặc chữ ký của người trưởng-tộc.

Phàm người đứng đầu đơn khởi-kiện, nếu sau này mà thua kiện thì chính mình phải chịu các tiền lệ-phí. Mỗi việc kiện chỉ được làm một lá đơn cho dễ thẩm-cứu, không được đem bốn năm việc khác nhau mà những người bị cáo cũng khác nhau vào một lá đơn. Đã đầu đơn rồi, nếu về phần dân-sự thương-sự, người nguyên-cáo được phép tùy-tiện muốn rút đơn ra thôi kiện lúc nào cũng được; nhưng nếu về phần hình-sự thì phải tùy quyền quan Thẩm-phán có cho phép thời mới được. Đại khái như kiện đòi nợ, đòi ruộng đất là việc tư-ích của thân mình thì mới có quyền xin thôi kiện được; chứ nếu kiện người ẩn-lậu thuế-khóa, kiện người giả mạo văn-thư vân vân..... thì những người can phạm những việc ấy có tội với nhà nước, có tội với pháp-luật, dù người nguyên-cáo có muốn rút đơn ra, nhà nước cũng cứ chiếu pháp luật mà nghĩ xử.

Quan Thẩm-phán khi đã tiếp được đơn kiện thì lập-tức xem cho hiểu rõ đầu đuôi, nếu đơn không hợp thức thì gọi người nguyên-cáo lên, truyền phải làm lại; nếu đơn hợp-thức thì định ngày cho đòi cả lưỡng-bạn (bên nguyên và bên bị) lên tòa để chất-vấn. Người đương-sự tiếp được phiếu đòi thì phải đúng ngày đúng giờ đến hậu chất ở chỗ nha-môn nào đòi mình; nếu không có cớ gì đích-đáng mà không đến hầu, tòa có thể nghĩ xử phạt bạc, hoặc xử khuyết-tịch (xử vắng mặt).

(Sẽ tiếp theo)

Sơn-xá LÊ-KHẮC-KHOA

PHÁP LUẬT VẤN ĐÁP

Bản-chí đặt ra mục « Việc pháp luật, » là cốt để giải-nghĩa luật, dẫn ý luật, dẫn-dụ những việc tầm-thường thiển-cận để cho pháp-luật chóng được phổ-thông: nguyên không có chủ-ý về sự vấn-đáp. Song từ khi bản-chí ra đời, các bạn độc-giả thấy có mục này, vì lòng tin yêu viết thư về hỏi những điều nghi-nan về pháp-luật rất nhiều, Bản-chí trộm nghĩ rằng: muốn cho pháp-luật được phổ-thông thì ngoài sự giải nghĩa luật, dẫn ý luật cũng nên để cho có người vấn-nan mới khám-phá được những điều nghi-nan, mới giãi tỏ được những cái khóe hiểm-hóc khó-khăn có khi cho là tầm-thường mà không nghĩ đến; thì sự đó tưởng lại có phần thiết-thực và quan-hệ thêm lên. Vậy bản-chí xin chiều ý độc-giả chư-tôn, phụ thêm mục vấn-đáp « *ở dưới bài* việc pháp-luật », *để trả lời những bài mà các ngài đã có lòng yêu hỏi.*

An-Nam tạp-chí

Bài hỏi

Tôi đọc An-nam tạp-chí đến mục « *Việc pháp-luật* », xem lấy làm hứng-thú mà ngẫm-nghĩ thấy nhiều sự bổ-ích cho quyền-lợi người ta lắm lắm. Qui-báo đã vì lòng công-ích, vì sự phổ-thông mà đặt ra mục ấy, tưởng cũng sẵn lòng giải đáp cho những điều nghi-nan chất-vấn.

Tôi là bạn đọc báo, nay có một việc bất-bình. Xin đường-đột bộc-bạch ra sau đây, nhờ quý-báo lấy lẽ pháp-luật chỉ-giáo cho thế nào là phải, để tôi được thừa-hành, rất lấy làm cảm-tạ.

Số là trong hàng tổng tôi có một tên M xưa nay vẫn có tiếng đầu trộm đuôi cướp, đã can án hai lần về tội ăn trộm trâu; nay M vì sự khích-bác với tên B là người trong họ nhà tôi, rủ mấy người du-côn trong hàng tổng đến nhà B trước sinh sự cãi nhau, sau cầm gậy đánh B

bị thương nặng gần chết. Có quan thầy thuốc khám thương-tích, cấp giấy nhận-thực phân-minh.

Tòa án đệ-nhị-cấp xét xử, phạt M 6 tháng tù mà lại cho hưởng án treo. Không thấy tên ấy phải đi ngồi tù mà cũng không thấy bắt tên ấy phải bồi-thường gì cho tên B cả. Tên B chống án về toà thượng-thẩm; toà thượng-thẩm lại y án. Tôi thiết nghĩ tên M là người gian-ác có tiếng, xưa nay đã can án hai lần, nay cố-ý đánh người bị thương có chứng-cớ rõ-ràng mà lại được hưởng án treo, không phải ngồi tù, thế thì lấy gì làm răn cho kẻ khác; tên B bị đau, thuốc-thang tổn-hại, mà chẳng được đồng tiền bồi thường nào, thế chẳng hóa ra bất-công lắm ru? Bây giờ tên B muốn đi khiếu-nại một lần nữa để xin toà bỏ tù tên M và xin tiền bồi-thường, nhưng lại nghe người ta nói rằng: toà thượng-thẩm đã xử là hết, thời không có thể đi kêu-ca kháng-cáo ở đâu được nữa.

Vậy thời B có thể xin chống án về tây được không? hay có cách gì khiếu oan để toà sử lại cho được không?

Tr. D. Ch.

Bài trả lời

Về việc cố-ý đánh người bị thương thì ở điều 189, tiết thứ nhất, chương thứ 19 trong bộ hình-luật Annam có nói: « Người nào cố ý đánh người làm cho « người ta bị thương, hoặc dụng cách bạo-« cử khác mà không có thể cho là sự bạo-« hành tầm-thường, thì phải bị phạt giam « từ 6 ngày đến hai năm và phạt bạc từ « 7 đồng đến 200 đồng, hoặc hai thứ đó « chỉ phải chịu phạt một thứ thôi. »

Còn về khoản huyền-án thì ở điều thứ 322, chương thứ 28 có nói rằng: « Khi « nào gặp có người phạm chưa hề bị « nghĩ phạt giam về khinh-tội trọng-tội, « thì trong án nghĩ quan thẩm-phán có « thể được huyền khoản hình phạt, không « bắt phải thụ-hình ngay. Gặp trường-hợp « ấy, quan thẩm-phán sẽ hiểu thị người bị « nghĩ được biết án người ấy hãy còn « huyền trong hạn 5 năm, nếu trong hạn « ấy mà người bị nghĩ lại có tái-phạm đến « khinh-tội trọng-tội gì nữa, thì tội tái phạm « lần sau của tên ấy sẽ lại tính lẫn với « tội cũ khi trước, xóa bỏ lệ huyền đi, « mà bắt phải phân-biệt thụ-hình; nếu « trong hạn 5 năm, tên phạm không bị án « gì khác nữa thì tội hình-phạt án huyền « sẽ được tiêu-trừ đi, không kể đến nữa.»

Tên M trước đã can án 2 lần, bây giờ lại can án, cố ý đả thương. Chiếu hình-luật thì tất nhiên tên ấy không được hưởng án treo nữa mới phải. Toà xử như thế, chắc là khi tòa sức đòi hỏi tổng-lý khai căn-cước của tên M tổng-lý vì tư-túi với tên M khai tốt cho hắn và im sự can án của hắn đi, nên tòa mới cứ chiếu căn-cước tốt của hắn, lượng chuẩn cho hắn được hưởng điều thứ 322 trong hình-luật.

Còn sự xin tiền bồi-thường, chắc là khi tòa đương xét-xử tên B không có đơn thỉnh-cầu gì, nên chi tòa mới bỏ quá không xét đến.

Việc ấy ở tòa thượng-thẩm đã xử, là án chung-thẩm rồi, không có thể chống án đi đâu được nữa. Lệ chống án về Tây là chỉ để dành riêng cho những việc xử ở các tòa án tây, như việc ở tòa áo-đỏ, việc ở phòng thứ nhất tòa phúc-thẩm mà thôi; lệ ấy không có thi-hành ở các tòa Nam-án Bắc-kỳ. Người không biết cứ xin chống án về tây, chỉ thêm làm bận cho người ta, mà sang đến tòa Phá-án bên Tây, bao giờ người ta cũng bác bỏ, không có thụ-lý một việc nào về phần Nam-án bao giờ.

Bây giờ việc đã lỡ ra như thế thì ông nên bảo người họ ông là tên B làm đơn xin giải-thích án-văn. Cách thức xin giải-thích án-văn nói rõ ở mục thứ 4, điều thứ 127, 128 và 129 trong luật Dân-sự Thương-sự tố-tụng; nay lược rút như sau này:

«**Điều thứ 127.**—Khi nào có một cái án « chung-thẩm hay là có một cái án không có

« thể được kháng án, kháng-cáo, mà trong « chủ-văn có một khoảng không được « rõ-ràng, hoặc hiểu ra hai ý, hay là có « nhiều khoản trái nhau, nhời nhẽ không « đủ, hoặc chữ nghĩa sai nhầm, thì các « người đương-sự hoặc người đương-sự « chết rồi thì do người đại-quyền được « xin tòa án nguyên thẩm giải-thích, để « định cái nghĩa chánh những chỗ nghi « ấy ; nhưng chỉ được giải-thích thuộc về « án-lý hoặc chủ-văn của nguyên-án mà « thôi, ngoài ra không được thêm khoản « gì vào cả. Nếu thuộc về án nghĩ xử sự « kháng-cáo, mà án ấy là xác-nhận án sơ-« thẩm, hay là bác-khước nhất-bộ hoặc « toàn-bộ án sơ-thẩm thì sự xin giải-thích « về án ấy, bao giờ cũng xin ở tòa án « kháng-cáo. Các qui-định này không can-« ngại đến các khoản có thể phán-định « về sự chấp-hành.

« **Điều thứ 128.** — Đơn xin giải-thích, « làm theo cách thức đơn khởi-kiện. Người « xin giải-thích phải chiếu thể-lệ định ở « điều 107 mà dự ký bạc phạt. Số bạc « phạt ấy định là mười đồng bạc. Sự xin giải-« thích không hề có triển-hoãn việc chấp-« hành nguyên-án; trừ trường-hợp nào tòa « án thụ-lý đơn xin giải-thích có định « riêng thì khác ; gặp trường-hợp ấy viên « Lục sự sẽ tuân theo qui định cuối cùng « ở điều thứ 109.

« **Điều thứ 129.**— Nếu đơn xin giải-« thích xét ra là hữu-lý thì tòa án sẽ phán-« định cái từ-nghĩa chỗ bị-nghĩ. thuộc về « tinh-thần nên giải-thích là thế nào. Còn « về khoản bạc phạt dự-ký thì tự nhiên « chiếu pháp-luật sẽ được giả lại. Nếu đơn « giải thích xét ra vô-lý thì tòa án sẽ phán-« thị không cần phải giải-thích, sẽ bác đơn « của người đứng xin, sẽ nghĩ xử người « ấy bị phạt bạc lấy khoản dự ký sung vào « công-khố ; khi có cần lại nghĩ-sử người « ấy phải bồi thường cho bên đối-thủ. »

Tên B chiếu luật làm đơn, nói rõ sự-trạng ông đã kể ở bài hỏi trên kia, rồi xin hai bản toàn-sao nguyên-án mà tên M bị can khi trước, hoặc bản trích-lục hoặc giấy quan sức, đính theo cả vào đơn để làm bằng. Đơn ấy gửi thẳng lên tòa thượng-thẩm. Tòa sẽ định cái nghĩa chánh ở trong án-văn, nghĩa là chiếu theo điều-luật, cất bỏ khoản án treo của tên M mà tòa trước đã xử nhầm và phán định tên M phải lập tức thụ-hình.

Sơn-Xá

Hỡi đồng-bào ! hãy đọc **LA TRIBUNE INDOCHINOISE**

Của ông

BUI-QUANG-CHIÊU

và cổ-động giùm. Giá đồng-niên **12 $ 00** ; sáu tháng **7 $ 00**.

Thơ và mandat để gửi cho

M. Nguyễn-Kim-Đính **Administrateur**

文學之部

VĂN-HỌC

Báo Hữu-Thanh, tình hữu-ái

Báo Hữu-Thanh lấy ngày 1er Août 1921 ra đời, đến hết tháng Septembre 1924 đình bản, lại đến ngày 13 Janvier 1926 đọc mục thời-sự ở Trung-Bắc mà mới biết Hữu-Thanh đã tạ-thế. Thương ơi!

Bức gương hữu-ái chưa mờ,

Hữu-Thanh hai chữ bây giờ là đâu!

Báo Hữu-Thanh ra đời lấy hữu-ái làm chủ-nghĩa, công sáng-lập do ở hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp và ông hội-trưởng Nguyễn huy Hợi, về phần biên-tập thời tôi cũng dự có ít nhiều; vậy nay thấy Hữu-Thanh đã hết đời mà chẳng khỏi sinh lòng chủ-chướng. Mới đây tôi có mượn được toàn tập Hữu-Thanh của ông Lê-ngọc-Giản là người trong hội Công-Thương đồng-nghiệp còn giữ lại, đem về đọc qua ít nhiều bài, thời thấy trong bài "*Kính-cáo quốc-dân*" ở số 1, có những nhời kỳ-vọng như những câu rằng:

« . . . . Làm cho cái chủ-nghĩa hữu-ái « láng-lai dàn-dụa trong bể cảm-tình của « quốc-dân, như thế nước sông Nhị-hà, sông « Mã-giang, sông Cửu-long về khoảng tháng « năm, tháng sáu, tháng bảy; giục cho các « công việc tấn-tới đua chen trên con đường « tiến-hoá của thế-giới, như sức xe hơi đi « khoảng đường từ Hanoi vào Huế, Huế vào « Saigon, mở đến cữ sáu mươi, bảy mươi, « tám mươi . . . . . »

Lại đến bài "*Từ việc*" của tôi trong số 12, in ra ngày 15 Janvier 1922, có bốn câu thơ rằng:

« *Mới nửa năm giời báo Hữu-Thanh,*
« *Biệt ly lai-láng xiết bao tình.*
« *Chút tình hữu-ái không ly-biệt,*
« *Tiếng gọi đàn xa núi Tản xanh.* »

Lại đến bài "*Đi Hạ-Long, đến Hải-phòng, cảm-hoài kính dưa ông Nghiêm-Vịnh*" của tôi, thấy in ở số 42, ra ngày 15 Avril 1923, trong có những câu rằng:

« Nghĩ cho: đá kia ai bảo là vô-tình « mà kể từ có sinh trưởng đến nay, không « biết bao nhiêu năm, ấy hoặc tự thủa « Hồng-Bàng khai-tịch, từ trước thủa « Hồng Bàng khai-tịch, trải bao nhiêu « gió rập mưa cưa, trào dun sóng vỗ « mà đá không lìa nhau; trải bao nhiêu « sao dời vật đổi, bể bể dâu dâu mà đá « càng liên-lạc hơn xưa vậy. . . .

« Khốn-nạn thay! cái chủ-nghĩa hữu-« ái của Hữu-Thanh, mới ra đời từ ngày « mồng 1 tháng Août năm 1921, không « phải là từ thủa Hồng-Bàng khai-tịch, gió « không rập, mưa không cưa, trào không « đun, sóng không vỗ, mà sao thấy như « đá gần mòn, như núi sắp lở, mà nào « những nhời kỳ-vọng của *Hữu-Thanh* « trong số ban đầu mới xuất-bản, bây « giờ là đâu? . . . »

Trong khi ấy cái cảm-tình của tôi đối với Hữu-Thanh đã thương-tâm vô-hạn. Tuy vậy mà Tạp-chí Hữu-Thanh một ngày còn sống thời những người có công gây dựng về báo Hữu-Thanh đó còn có phần trông mong; đến nay mà Hữu-Thanh thật tạ thế không ra đời, thời phàm những người có phụng-sự cái chủ-nghĩa hữu-ái ở Hữu-Thanh khi xưa, tưởng đều nên chan-chứa ngậm-ngùi vậy. Nay lại hồi-tưởng lại cái lịch-sử của Hữu-Thanh từ số đầu mới ra là ngày mồng 1 tháng Août năm 1921, đến ngày đình bản là trong tháng Septembre 1924; kể thời-đại trong khoảng 3, 4 năm; số in ra được dư 60 quyển; chủ-nhiệm từ ông Nguyễn-huy-Hợi đến ông Nguyễn-duy-Nho, chủ-bút từ ông Nguyễn-khắc-Hiếu đến ông Ngô-đức-Kế. Vậy mà hỏi đến có ích gì về sự hữu-ái cho quốc-dân hay không, thời chỉ thấy trung-gian có những người trọng-yếu trong hội báo Hữu-Thanh cãi nhau, đánh nhau, đến kiện thưa, đến tù tội.

Càng nghĩ đến những nhời kỳ-vọng của Hữu-Thanh khi trước mà rút lại được những cái hiện-tượng như đó, thời Hữu-Thanh đối với quốc-dân thực là có tội; song cũng là một,hai,ba,bốn những người nào ở trong quốc-dân ta đó thật là thêu tội cho Hữu-Thanh. Thôi nhưng báo Hữu-Thanh đã không còn, truyện Hữu-Thanh nói lắm cũng vô-ích; chỉ nghĩ rằng báo Hữu-Thanh tuy không đáng tiếc, nhưng một cái chủ-nghĩa hữu-ái thời không có lúc nào nên quên. Tôi xưa là một kẻ phụng-sự về chủ-nghĩa hữu-ái mà đến nay lại nhờ ơn Chánh-phủ, mở được báo An-Nam, vậy từ nay về sau, phàm trong quốc-dân ta, ai là người còn nhớ đến hai chữ «hữu-ái» chăng, xin cứ nhận *An-Nam tạp-chí* tức cũng như *Hữu-Thanh tạp-chí* vậy.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Chính-sách Nhật-Bản cai-trị Cao-Ly

Từ khi Cao Ly mất về Nhật-Bản, tình-hình trong nước cũng hơi tiến bộ, tỉ như khai mỏ, lập trường học, dựng sở Y-tế, mở bến thông-thương, đặt đường xe lửa, khai khẩn ruộng-nương rừng-rú, chấn-hưng súc-mục canh-nông. Trăm nghề nghìn nghiệp đều có vẻ tấn tới, dân-số cũng mau tăng. Song số dân tăng đó, toàn là người Cao-Ly cả. Chính-phủ Nhật thực lấy việc đó làm tức mình. Diện-tích nước Cao-Ly độ được 8 vạn năm nghìn thước vuông Anh, so với nước Nhật-Bản cũng sấp-sỉ bằng nhau. Tổng số dân cũ ước được hơn mười tám triệu. Đất ruộng cả nước, chỗ giồng giọt được chăng qua chỉ có độ một nửa. Năm 1918, số người Nhật ở Cao-Ly chỉ có 30 vạn, trong 30 vạn ấy số người làm ruộng rất ít, đến cả những số người công thương Nhật cũng không bằng Cao-Ly. Bởi Cao-Ly người to sức mạnh hơn người Nhật nhiều, vả trình-độ sinh-hoạt rất thấp, nên người Nhật khó lòng tranh cạnh được. Nói tóm lại về phương-diện vật-chất thật là tiến-bộ, chúng ta cũng nên quý công cho người Nhật. Nhưng ngoài ra, mọi chánh-sách khác, không tránh khỏi búa dìu của dư-luận các nước trên thế-giới này.

Từ lúc Nhật-Bản đến diệt Cao-Ly cho đến bây giờ, hành chính toàn dùng võ-lực chuyên-chế. Trải bao những viên Thống-giám đóng ở Cao-Ly đều dơ hàng võ xuất thân. Ý để làm gì ? Độc-giả có thể đoán biết được. Các hạng quan-lại đi đâu cũng mang gươm đeo súng. Nực cười quá, một ông giáo trường tiểu-học cũng đeo thanh đao « chỉ-huy » để tỏ ra cái oai quyền tôn-nghiêm không ai phạm được. Từ năm 1915 trở về sau, người Nhật ở Cao-Ly ngày một thêm nhiều. Nhưng phần nhiều đều là những hạng hạ-lưu đói cơm rét áo, không có cửa nhà. Người Hàn phải họ ngược-đãi, rất là khổ-sở khó chịu ! chỉ vì thân phận là dân « vong-quốc » còn biết kêu đâu ? Nên cứ đành chịu im hơi nín tiếng. Đều đó không những toàn-cầu biết cả, mà chính người Nhật cũng tự-nhận, không chối nào.

Ngoài võ-lực áp-bách ra, lại còn những kẻ do vụng thám trộm, rải-rác khắp nơi. Một lời nói, một việc làm của người Cao-Ly, không gì không phải người Nhật giam-cầm bó buộc. Nhà giầu Cao-Ly tất phải mượn người Nhật làm thư-ký, quản-lý tài-chính trong nhà, không thế không xong. Đến như những tiền bạc của nhà giầu, không cứ món nhiều món ít, đều phải gửi vào nhà Ngân-hàng Nhật-Bản ; mỗi bận tiêu dùng, hạn chỉ được lấy đủ số thường dùng trong nhà, không được tự-do tùy-ý. Xét như số thống-kê của sở Cảnh-sát Cao-Ly thì tự năm 1916 đến năm 1917,

dân Cao-Ly phạm tội xử-tử có tới 81.139 người. Khi xét xử thì chỉ có 952 người được tha và độ 32 người bị-cáo được trắng án, còn thì phải hành hình cả Hỏi đến cái cớ làm sao phải tội, thì hầu toàn là những người âm-mưu phản kháng. Xem thế đủ biết tâm địa người Nhật đối với Cao-Ly là thế nào.

Trên kia đã nói Nhật đối đãi Cao-Ly như thế, nên quyền « công-dân tự-do » (liberté des citoyens) của người Cao-Ly chẳng còn tý gì. Binh linh mật-thám có thể tùy ý xông vào trong nhà, dò la tra xét, và không cứ lúc nào cũng có thể bắt người tống giam. Chính-phủ Nhật cũng thường chiếm ruộng đất tư của người ta sung làm của nhà nước, mà cũng đền tiền lấy một cái giá tương-đương. Đến như những quyền ngôn-luận tự-do, xuất-bản tự-do, lập hội tự-do thì thật là không bao giờ dám mơ-màng đến vậy. Từ năm 1919, sau khi Cao-Ly có cái phong-trào độc-lập, Chính-phủ Nhật có sai một người Nghị-viên trứ-danh đến Cao-Ly điều tra công việc. Cứ như lời người ấy thuật, thì báo-chương Cao-Ly có ít lắm: mỗi tỉnh có một tờ mà lại đều là cơ-quan của Chính-phủ, cho nên người đọc báo không rõ hết được cái châu-tỉnh Cao-Ly. Đến như việc chính-phủ Nhật chiếm-đoạt tư-điền là bởi lúc Cao-Ly chưa mất, những khu-ruộng to ấy gọi là của Hoàng-gia, nhưng do dân-gian khai khẩn cầy cấy cũng nhiều. Tới khi Nhật diệt Cao-Ly thì cứ chiếu số thu lấy ruộng đất, nên dân Cao-Ly thiệt hại nhiều lắm, song biết làm thế nào!

Nhật-Bản cai-trị Cao-Ly không những bây giờ không cho quyền lợi tự-trị tự-do mà thôi; đến cả sau này cũng không tỏ ra có ý gì giải-phóng cho Cao-Ly cả. Nhân-dân Cao-Ly làm việc với chính-phủ, không phải chỉ có một đôi người. Song thấy đều là những người: thấp địa-vị, bé trách-nhiệm, không đủ kể chi. Còn người nào muốn được đặt mình vào nơi chính-giới hơi cao, thì tất có người Nhật ở bên, trăm khoanh chặn tay, bưng miệng. Muốn rõ chứng-cớ, xin trích một đoạn ở trong một tờ báo Nhật-Bản như sau này:

« Nhật-bản đối với nhân-dân Cao-Ly, thật không có một chút lòng tín nhiệm, bởi biết hẳn rằng không đủ tín-nhiệm vậy. Biết không đủ tín nhiệm, nên phàm địa-phương quan-lại, tuyệt-nhiên không dùng người Cao-Ly. Ở Cao-Ly có 13 tỉnh, chia ra có tới 30 châu, 50 huyện và nhiều thôn. Thế mà tự tỉnh đến thôn đều dùng người Nhật cai-trị cả. Ôi! như nước Cao-Ly to thế, làng xóm rộng thế, mà chỉ dùng người Nhật cai-trị thôi, trách nào những quan-chức không làm xuể việc! » Không những thế, phàm người Nhật với Cao-Ly, không cứ làm chức nghiệp gì, ngôi thứ bằng nhau, công việc bằng nhau, mà bao giờ người Nhật cũng hơn phần lương cao bổng hậu. Năm 1919 tháng 4 ngày 11, một tờ báo Nhật-bản có nói rằng: « Báo-chương nước ta (nước Nhật) đều công-kích về việc kỳ-thị nòi giống, thế mà chỗ đất thực-dân của ta, lại vì cái cớ người mình kỳ-thị giống nòi mà phải bầy mưu phản-bạn. Mới nghe chẳng hóa ra tương-phản nhau ư? Nhưng không biết chính viên thống-giám ta vẫn cứ cho rằng: Cao-Ly phải nên kỳ-thị: tự người thầy giáo và người làm ở điện-báo trở đi, cho đến phu phen thuyền thợ đều không được ưu-đãi như người Nhật-Bản, lương bổng hơn kém nhau nhiều. »

Nhật-Bản kỳ-thị Cao-Ly không những thế đâu. Nay lại xin nói như một việc giáo dục này nữa: dân Cao-Ly so với số Nhật kiều gấp tới 60 lần. Song số trường học giấy trẻ Cao-Ly so với số trường người Nhật chỉ được một phần nhỏn. Đó là nói về trường tiểu-học. Đến như tình-hình trường cao-đẳng lại càng tệ lắm, trong 4 nghìn 8 trăm vạn người Cao-Ly, mà cái số người được có dịp vào học trường cao đẳng lại không nhiều bằng rong số 30 vạn người Nhật. Trường học trong nước lại chia làm hai hạng, một đẳng lập cho người Cao-Ly, một đẳng để riêng cho người Nhật. Hai hạng trường học ấy chương-trình đã khác nhau, niên-hạn cũng không giống gì; trường lập cho người Cao-ly, giờ giấy văn Anh rất ít, niên-hạn

cũng lại ngặt. Bởi thế nên nói rằng người Nhật đối đãi với Cao-Ly chỉ dùng võ-lực áp chế thì thật là chỉ hơi biết, chứ không phải biết rõ vậy. Chính-sách Nhật-bản đối đãi với Cao-Ly thực chẳng khác gì như nước Đức cai-trị nước Ba-lan (Pologne) ngày trước. Chính là chỉ muốn hết sức đạp đổ văn-minh, triệt hẳn tiếng nói, vùi dập văn học, rồi đổi tư-tưởng của Cao-Ly, khiến cho đồng hóa với Nhật-Bản. Nhật-Bản đã ôm những chính-sách ấy, nên bầy ra mưu này chước khác để quét sạch cái văn-hóa vài nghìn năm trời nay ở Cao-Ly. Trong nước dựng ra trường học, thuần giảy văn Nhật cả. Đến lịch-sử và văn-học Cao-Ly cũng không mấy người được học cả. Những sách vở cũ của Cao-Ly đốt ra tro cũng không phải ít. Bọn thanh-niên muốn được cái giáo dục cao-đẳng thật là chật-vật khó-khăn vô cùng. Nhật-bản lại cấm ngặt không cho bọn thanh-niên đi du-học Âu, Mỹ : ai may lắm mới đến Đông-kinh vào trường đại-học, chương-trình học hành lại tất dễ nên họ càng cấm ngặt những thuyết tự trị, bình-đẳng tự-do. Bởi vì họ cho những tư tưởng ấy có hại to đến việc cai-trị thuộc-địa. Việc đó thế-giới đều biết, tưởng không cần phải nói nhiều.

Song có một cái trở-lực rất to làm ngăn ngừa những chính sách ấy của Nhật-Bản, lức là việc đạo Gia-tô truyền bá sang Cao-Ly vậy. Chuyền bá Gia-giáo cho, nước Mỹ là mạnh sức hơn cả. Song độc-giả chớ tưởng lầm là giáo-hội nước Mỹ vượt qua phạm-vi truyền-giáo mà can-thiệp đến việc chính-trị của Nhật-bản đâu. Không, giáo-hội của hội ở Cao-Ly ấy vẫn cứ yên phận mình chẳng có cổ-động gì cả, chỉ vì người Cao-Ly cảm hóa Gia-giáo, hiểu biết thuyết « chính-nghĩa, nhân-đạo, bình-đẳng, tự-do », cho nên biết đau đớn cái thân-phận làm nô-lệ, kịp muốn thoát vòng địa-ngục ấy thôi. Ảnh-hưởng Gia-giáo đã thế, cho nên chính-phủ Nhật coi như thù-hằn. Giá không phải quốc-tế có điều-ước chuyền-giáo tự-do, thì có lẽ chính-phủ Nhật đã hạ lệnh nghiêm cấm rồi. Từ năm 1919 trở đi, phàm những người phản-kháng mà phải hành hình thì quá nửa là người theo đạo Gia-Tô cả. Phong-trào lần ấy nổi lên, người Nhật ghét bọn Cao-Ly theo Gi-giáo lắm, nên họ tìm cách hãm-hại rất là tàn-nhẫn, không có chút nhân-đạo gì. Những cách hành-hình vô lễ, thật những người ở nước văn-minh không nỡ lấy ngòi bút mà thuật. Ai đã ở lận bên Cao-Ly thì cũng biết rõ cả rồi. Bảo-trương Nhật-bản lại công-kích giáo-hội, nói là Cao-Ly kèn cựa độc lập thật cũng bởi bọn họ sui dục, nên Nhật-bản căm tức giáo-hội vô-cùng. Giáo-hội dựng nhiều trường-học lắm, song chính-phủ Nhật có ý ngăn-ngừa, mong cho trường-học của giáo-hội không được sống lâu. Ôi ! họ lập tâm tàn ác là thế.

Hoa-Bằng

Thực-Nghiệp dân-báo

HÁN-VĂN TẠP-DỊCH

Bài biểu xuất-sư của ông Gia-cát-Lượng

Ông Gia-cát-Lượng là Thừa-tướng nước Thục trong đời Tam quốc. Khi vua Chiêu-Liệt nước Thục sắp mất, đem con là vua Hậu-chủ gửi ông. Ông nhận nhời vua Chiêu-Liệt, chỉ muốn nuốt Ngụy gồm Ngô, lấy lại đất nhà Hán. Bài biểu này là khi ông sắp-sửa kéo quân ra đánh Ngụy, tự tay thảo ra, để nói cho Hậu-chủ được biết công việc và tâm-sự của ông.

* * *

Thần Lượng tâu :

Đức Tiên-đế mở-mang cơ-nghiệp, chưa được nửa chừng ; dương quãng dữa đường, bỗng chốc mặt giời khuất bóng. Nay thiên-hạ sé ba, châu Ích (1) ta mệt nhược ; ấy chính là buổi nước nhà nguy cấp, dường mất dường còn vậy. Vậy mà trong chốn cung-đình, kẻ thị-vệ vẫn

(1) Châu Ích là đất nước Thục

giốc lòng hầu-hạ ; ngoài nơi biên cảnh, người trung-trí không tiếc sức xông-pha, là còn nhớ ơn tri-ngộ của Tiên-đế, mà muốn đền bù về Bệ-hạ vậy.

Thần vốn là một kẻ dân áo vải, cầy cuốc ở xứ Nam-dương, lần-lữa tháng ngày, những mong toàn tính-mệnh ở trong đời loạn ; mảng vui hoa cỏ, thực không cầu danh tiếng với các nước Hầu. Tiên-đế chẳng quản thần là kẻ quê hèn, tự cam uổng khuất, vì thần mà ba lần tới chốn lều gianh, đem hết việc đời bàn tính. Bởi thế lòng thần cảm-khích, xin đem thân mà đua đuổi với non sông ; bấm đốt ngón tay, tới nay đã hai mươi năm lẻ một vậy.

Tiên-đế biết thần là người cẩn-thận nên khi hấp-hối mới đem việc trọng-đại mà giao-phó cho thần. Vâng mệnh đến giầy, thần vẫn đêm ngày lo nghĩ, sợ hoặc phụ nhời ký-thác, để Tiên-đế vì thần mà mang tiếng khôi-giám minh. Cho nên đương lúc giời hè nắng đốt, thần phải kéo quân qua ngọn sông Lư, dấn vào xứ đồng khô đất trắng. Nay phương Nam dẹp đã yên, giáp-binh sắm đã đủ, nên phải dựng cờ nổi trống, kéo sang Bắc mà phá Trung-nguyên ; may ra hết sức ươn-hèn, trừ loài gian-bạo, gây lại cơ-đồ Viêm-Hán, quay về bờ cõi Lạc-Dương đó là cái chức-phận của thần phải báo ơn Tiên-đế mà hết lòng với Bệ hạ vậy. Xin Bệ-hạ tin thần, giao cho thần các việc đánh giặc lấy lại nước, nếu thần làm không song thì xin Bệ-hạ trị tội thần mà tâu lên hồn thiêng dức Tiên-đế. Như vậy thì thần đội ơn khôn xiết, cảm-khích khôn xiết. Nay đương lúc sắp phải xa lìa, cầm bút thảo biểu, nước mắt chứa-chan ; giấy ngắn tình dài, nỗi thảm-đạm kể sao cho hết.

Ngô-tất-Tố dịch

BÌNH NGÔ ĐẠI-CÁO

Mở nhân nỗi nghĩa, cốt lấy yên dân;
Dẹp loạn cứu dân, chẳng quá trừ bạo.
Như nước Đại-Việt ta thử nghĩ,
Thật là văn-hiến không kém ai :
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, mở mặt giang sơn ;
Cùng Hán, Đường, Tống, Minh, chia ngôi vương đế.

Mới rồi,

Chỉ nhân vì chính-trị họ Hồ, phiền nhiễu độc ác ;

Xui nên nỗi lòng người trong nước, oán phản chia tan.
Người nước Minh nhân được dịp sang ta;
Lũ gian ác lại cùng nhau bán nước.

Từ khi ấy giở lại,

Kể có hai mươi năm.
Rước dường nhân nghĩa, phũ sực bình đao, nghĩ nỗi thảm không còn giới đất ;
Rộng mẹo gian thâm, nặng diều thuế dịch đầy túi tham vét hết non sông.
Thiên địa chẳng dung,
Quỉ thần cũng giận.

Ta đây,
Từ núi Lam nổi bước,
Nơi hẻo-lánh nương thân.
Hơn mười năm đau ruột nát gan,
Trải bao độ nằm gai nuốt đắng (1).
Gươm thần mới mở (2),
Thế giặc đương to.
Khôi-huyện (3) *quân tan,*
Linh-sơn lương hết.

Bốn phương họp những phường xiêu-dạt, ngọn tre cờ hiệu phất nên dồ ;

Ba quân cùng một dạ cha con, hớp rượu giòng sông say vị nghĩa (4).

(1) Vua Cấu-Tiễn nước Việt trong khi mưu báo thù nước Ngô, thường nằm ở trên đống củi gai, ăn nuốt mật đắng, là để không quên sự lo nghĩ.

(2) Đời truyền vua Lê-tổ được thanh gươm thần cho.

(3) Khôi-huyện, ngờ là Khôi-trại, thuộc tỉnh Thanh-Hóa.

(4) Xưa vua Câu-Tiễn đóng quân ở trên bờ sông, có người cho một chai rượu qui, vua sai đem đổ xuống sông, cho quân-sĩ đều theo giòng nước mà uống. Chúng đều cảm nghĩa, bèn phá được nước Ngô thành công.

Vậy rồi mà :

Lấy quân nhân nghĩa,

Thắng kẻ hung tàn.

Lũ giặc kia hết khỏe hết khôn, bó tay chịu chết ;

Quân ta chỉ dùng mưu dùng kế, cười cỗ như chơi.

Loài hổ lang đà đến lúc cụp đuôi,

Lượng giời, bể ta cũng tha làm phúc.

Trước cấp cho Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã-Kỳ, thuyền hơn năm trăm chiếc, qua sông thôi mà còn như mất vía kinh hồn ;

Lại cấp cho Tổng-binh Vương-Thông, Tham-chính Mã-Anh, ngựa hơn mấy nghìn con, về nước đó mà càng vẫn ghê lòng sởn gáy.

Lũ kia đã sợ chết tham sống, mà thật bụng giảng hòa ;

Ta đây lấy toàn quân làm hơn, để cùng dân yên nghỉ.

Ôi nghĩ như :

Một chiếc áo nhung, chín phương yên định (5) ; trải mười thu giờ mới thấy đây.

Từ nay bốn bể, muôn kiếp thanh bình ; khắp trăm họ nhủ cho cùng biết.

Nguyễn-khắc-Hiếu dịch

(5) Trong sách Mạnh-tử nói vua Vũ-vương nhà Chu mặc một chiếc áo nhung mà yên định được thiên-hạ. Câu văn này là lấy về điển ấy. — Áo nhung, là áo chiến-trận.

Câu truyện của ông R. Poincaré

Ông R. Poincaré là nguyên Giám-quốc nước Pháp và hiện mới lên làm Thủ-tướng được mấy hôm nay, có kể câu chuyện rất buồn cười rằng :

« Cách nay đã mấy năm, có một độ nọ, nhân dịp ở nghỉ-viện nghỉ hè, tôi với bạn Tôi là một vị thượng-thơ bộ Tài-chính, cùng nhau dong chơi ở vùng Mont-Dore. Hai người đương đi dữa đường, thình-lình nghe một tên dân nhà quê ở Auvergne, la to lên một cách giận-dữ rằng : « Bước mau tới, đồ thượng-thư quỉ ám đâu vậy kia ! » (« *Eh ! Va donc, ministre satané !* »). Nghe thế, ông Thượng-thơ cùng đi với tôi ngạc-nhiên ngỡ là gặp ai quen biết mình, bèn ngảnh mặt lại xem, thì thấy anh nhà quê đương đuổi một con lừa. Ông bạn tôi đi gần lại hỏi thời anh nhà quê ta chỉ vào con lừa mà đáp : « Ông thử nghĩ đã tức chưa ! Tôi không biết làm thế nào mà đổi con thượng-thơ này đi cho được. » (« *Que voulez-vous ! je n'arrive pas à faire marcher ce ministre-là !* ») - Hỏi ra sau mới biết rằng trong cõi nước Pháp có một đôi miền người ta vẫn thường gọi con lừa là con thượng-thơ (*on appelle un âne un ministre*), vì rằng trong loài súc-vật thì con lừa thường bị dùng vào những công việc nặng-nề hơn hết, kể cực-khổ cũng không kém gì các quan Thượng-thơ lo làm việc nước vậy.

Trích ở bài của ông Thế-Mỹ,
trong Đông-Pháp thời-báo Saigon.

Thơ mừng An-Nam tạp-chí

Thuyền nan có cột có lèo,
Chẳng e sóng gió, hiểm-nghèo cũng ra.
Tin trung là cái đỉnh đà ;
Thiên-lương chất-chở, xông-pha ngại gì.
Trong thuyền ông lái nhà nghề,
Quá giang đồng-bạn một bề tin nghe.
Thác ghềnh xuôi ngược chẳng nề ;
Lo chi sào sậy chống bè gỗ lim.
Vốn lời ngày một nỗi thêm ;
Tiền nhiều thóc lắm dễ tìm kế xoay.
Anh em ta hãy giúp tay.

HỒ-TRỌNG-UẨN *Hà-đông*

Đêm nghe dế kêu

Nghiêng gối tai nghe tiếng dế sầu,
Đa-tình khách nghĩ suốt đêm thâu.
Nỗi-niềm tâm-sự ai hay tá ?
Bóng nguyệt chênh-vênh rải trước lầu.

Khắc Minh ĐÀO-CÔNG-TẤN
Débitant, Đặng xá, Nam-Định

Họa ý bài thơ «Sông cái, chiếc thuyền nan,» kính tặng chủ-nhân An-Nam tạp-chí

(Điệu hát miễu nói)

Sông sâu, sâu thẳm nghìn tầm,
Mưa Âu gió Á sóng ầm tiếng reo.
Bể Nam đường bể reo-neo,
Thuyền nan một lá ai chèo đi đâu ?

Thiên-hạ vô bất-khả-vi chi sự,
Đi thời đi, mà sợ nữa chi ai!
Thú ba-đào ai dễ được mà chơi,
Thuyền một lá, một-ai, giời với nước.
Đồng chu nguyện đính tam sinh ước,
Phá lãng tu thừa vạn lý phong.
Đã dương buồm, cho thẳng cánh với con sông ;
Đến bể rộng mênh-mông rồi mới thú.
Phóng tầm mắt ngũ Đại-dương trong võ trụ.
Khiếp phong ba mà quá độ có hay chăng ?
Tay chèo ai vững hay chăng ?

Một người xã-hội
ở Lạng-Sơn lai cảo.

Câu đối lạc-thành của Mộng lương thư-quán Nha-Trang

Ông Vương-gia-Bật ở Nha-Trang Trung-kỳ là một vị độc-giả mua năm An-nam tạp-chí và đại-lý bán tạp-chí lẻ ở xứ ấy, ngày 4 Août mới đây, ông có viết thư ra nói truyện rằng ông làm một tòa nhà mới sắp song, định để mở hiệu bán sách vở cùng các báo chí, ông lại ngỏ ý muốn nhờ tôi nghĩ hộ một câu đối nôm để khắc chơi vào cột tường. Vậy xin thảo như sau này, tuy không lấy gì làm hay, song gọi là chút tình văn-chương đối với bạn đọc báo vậy.

Tản-Đà

Gió Á mưa Âu, vách phấn góp xây [nền tiến-hóa;
Con Hồng chẩu Lạc, nhà lan đông họp khách văn-chương.

Đời người

Cỏ khâu một nấm ở bên đường
Lai vãng nào ai kẻ sót thương.
Bia đá mai-mòn theo sóng nước,
Bảng vàng tan-tác với phong sương.
Công hầu dế bá trăm năm trắng,
Phú quí vinh hoa một giấc vàng.
Trong cuộc hơn thua ai đã chắc,
Hơn nhau giời đất tiếng còn vang.

Anh-viên, NGUYỄN-VĂN-NĂNG

Đề bức vẽ người quẩy gánh in bìa sau tạp-chí số đầu

I

Này hỡi ông hàng quẩy gánh ơi,
Bán văn buôn chữ thiếu gì nơi.
Đi đâu ra dáng loàng-quàng thế?
Hay gánh văn lên bán chợ giời?

II

Hay gánh văn lên bán chợ giời?
Mà chê trần-thế ít người chơi?
Lại đây mở gánh ta xem thử,
Xem có hay xin giới-thiệu đời.

III

Xem có hay xin giới-thiệu đời,
Hễ đời mà thích lắm người chơi.
Rồi ra khỏi phải loăng-quàng nữa,
Đắt dẻ âu là lãi ít thôi.

IV

Đắt dẻ âu là lãi ít thôi,
Nhàn thân thêm lại ích cho dời.
Xưa nay sách dở còn không ế,
Giờ có văn hay đắt mấy mươi.

. . . . . .
. . . . . .

Trương-phủ NGÔ-LUY-VĂN
Ford Bayard (Chine)

Giả lời bài « Khuyên anh giáo » trong tạp-chí số một.

Bài « Khuyên anh giáo » trong số 1, là của một ông giáo ở Hưng-Yên lai-cảo là ký tên một người khác ; bài này cũng mà của một ông giáo ở Tourane lai-cảo mà chỉ ký hiệu là " *Văn Giang*". Bản-chí

đã đăng bài trước, thời đăng cả bài này thưởng cũng là một áng văn chơi ở trong giáo-giới vậy.

An-Nam

Mợ nó ơi, anh nghe mấy nhời mợ nó nói anh mừng lòng ; phận nữ-nhi mà biết lo liệu cho chồng cũng ít có lắm thay.

Mợ nó ơi, ừ anh đây nào phải bực anh-tài, song nhờ ơn tổ-ấm anh theo đòi vả cũng có chút bút nghiên.

Mợ nó ơi, cuộc bây giờ Âu Á giao liên ; tân-trào tràn khắp anh đương độ thanh-niên nên phải liệu đường.

Mợ nó ơi, xếp Hán văn anh học chữ Tây-phương , là cái đời xui nên thế, thời cũng lẽ thường đấy chứ sao ?

Mợ nó ơi, anh nghĩ mình cũng dự tiếng mày râu ; tuy không làm nên được đến công hầu, cũng phải có sự-nghiệp chi.

Mợ nó ơi, vậy nên nhân rằng anh được đỗ thi ; anh liền đem thân-thể đền nợ nam-nhi cho khỏi phụ-phàng.

Mợ nó ơi, anh sở-dĩ ra thụ-chức trong giáo-trường ; để giắt-dụ đàn trẻ tuổi, há phải mấy chục lương mà đã to rồi.

Mợ nó ơi, sao mợ cũng khéo nói nên nhời ; song không lương-bổng thời hỏi cái nồi ai đồ gạo vào cho ?

Mợ nó ơi, còn cái việc anh luyện-tập học trò , anh thường đã hiểu không phải việc chơi đùa cho hết tháng qua năm.

Mợ nó ơi, anh vẫn biết rằng đệ-tử anh là vạn mệnh quốc-dân ; nên anh mới không quản nỗi nhọc-nhằn, anh giậy sớm thức khuya.

Mợ nó ơi, mợ chẳng nghĩ nao văn nọ bài kia : suốt ngày rát cổ mà anh có cho việc nặng-nề đó hay sao ?

Mợ nó ơi, anh nói ra chẳng phải kể công-lao ; anh đây là đã giốc chí huân-đào cho bọn con em.

Mợ nó ơi, việc đời anh há rằng quên ; xin cùng mợ nó cứ lặng yên mà nghĩ sau này.

Mợ nó ơi, đôi ta duyên số bấy chầy ; trong gia-đình gánh vác ta hãy đỡ tay cho nhau cùng.

Mợ nó ơi, còn anh thì đã hẹn với non sông ; dù gió mưa sấm sét anh cũng quyết lòng cho xứng mặt làm trai.

VĂN-GIANG

Tiếng oanh thỏ-thẻ

Đêm khuya nguyệt sế non tây ; Anh ơi, say đỉnh tỉnh say chi nữa mà. Giang san cái nước Việt-Nam nhà truy-hoan mê-mệt anh nỡ bỏ qua cho đành.

Anh ơi, chung được chữ tình ; đã làm sao đủ cái thân-hình nam-nhi. Với đời chót mang cái kiếp tu-mi ; công danh biếng nhác anh biết lấy gì góp với non sông ?

Anh ơi, tỉnh dậy mà trông ; năm châu kia trống dóng cờ dong họ lên đường. Đuốc văn-minh sáng rực một phương ; ngọn đèn tiến-hóa, nén hương phú cường.

Anh ơi, nam-nhi hồ-thỉ bốn phương ; gian-nan chớ quản, tuyết sương đừng nề. Mong sao cho kết quả khai huê ; ơn nhà nợ nước hai bề anh vẹn cả hai.

Anh ơi, dưới trần ai đã kém ai ; thông-minh anh sẵn có, mắt tai anh cũng như người. Hơn kém nhau chỉ có hai chữ « siêng, lười » ; tỉnh mau mau giậy kẻo cái đời anh lại bỏ đi.

Anh ơi, cái tấm thân em em có xá gì ; tang bồng mà anh phỉ-chí thì dầu biệt-ly em cũng không sầu. Yêu nhau xin nhớ nhời nhau ; công thành danh toại, tình sau ta cũng còn nhiều.

Tiếng oanh, em xin thỏ-thẻ có bấy nhiêu điều .

PHẠM-TẤT-ĐẮC

(Học-sinh năm thứ tư trường Bảo-hộ

Ngô-Việt xuân-thu

(Tiếp theo)

Chặt cánh tay, Yêu-Ly lừa Khánh-Kỵ.
Diễn phép trận, Tôn-Vũ giết Cung-nhân

Hạp-Lư đã lên ngôi vua, hết lòng thu-dụng nhân-tài, ban-bố ân huệ, muốn cho tiếng nhân nghĩa đồn khắp các nước hầu. Một hôm Hạp-Lư hỏi Tử-Tư rằng:

— Quả-nhân muốn cho nước mạnh, dân giàu, gây dựng nghiệp bá, thì làm thế nào cho được?

Tử-Tư khấu đầu ứa nước mắt tâu:

— Thần là kẻ có tội ở nước Sở, cha anh ngậm oan, hài cốt không ai chôn; vong-hồn không ai cúng; thần lại đội dơ đeo nhục, về với Đại-vương, Đại-vương không giết đã là may lắm. Thần đâu dám dự đến chính sự nước Ngo.

— Quả-nhân không có tiên-sinh, sao khỏi khúm-núm ở dưới chân người, may nhờ một câu dạy bảo của tiên-sinh, mới có ngày nay; quả-nhân đương sắp giao cả nước cho tiên-sinh. cớ sao tiên-sinh lại giữa đường sinh lòng lui tới? hay là tiên-sinh cho quả-nhân là người không đủ làm việc?

— Thần đâu dám coi Đại-vương là người không đủ làm việc. Thần chỉ nghĩ: người họ xa không nên chen với người họ gần, kẻ ở xa không nên chen với kẻ ở gần. Thần là một kẻ phương xa lưu-lạc, không dám ở trên các bực mưu-sĩ nước Ngô. Vả lại thù to chưa báo, tấc dạ bời bời, lo thân chưa xong, còn nói chi đến việc nước.

— Mưu-thần nước Ngô, không ai hơn tiên-sinh, quả-nhân phi tiên-sinh, không thể bàn-bạc với ai được. Tiên-sinh chớ có từ chối. Đợi khi nào việc nước tạm yên, quả-nhân sẽ báo-thù hộ cho tiên-sinh. Nay tiên-sinh hãy cứ hết lòng dậy bảo quả-nhân.

Tử-Tư nín lặng hồi lâu rồi thưa:

— Vậy thì Đại-vương định mưu việc gì?

Hạp-Lư nói:

— Nước Ngô hẻo-lánh ở xứ đông-nam, đất cát hiểm-trở thấp ướt, lại thường có vạ nước triều; kho đụn chống không, ruộng nương bỏ cỏ; nước không có thế vững-chãi, dân không có chí bền-chặt; không lấy gì ra oai với các nước hầu. Như vậy thì làm thế nào?

— Thần nghe cách trị nước phải lấy sự yên vua yên dân làm đầu. Vì vậy, muốn gây nên nghiệp bá, ngồi chỗ gần chế-trị chỗ xa, trước hết phải đắp thành quách, đặt quan ải, chứa kho đụn, xửa binh-cách; ấy cốt-yếu có mấy đều ấy.

— Phải, phải lắm! thôi công việc quả-nhân giao mặc tiên-sinh, nên thế nào tiên-sinh định liệu giúp quả-nhân.

Tử-Tư vâng lời, thân đi xem xét thế đất, phân biệt vị nước; tìm được một khu đất phẳng nước ngọt ở phía đông-bắc núi Cô-Tô, mới đem dân đắp một vòng thành chu-vi 47 dặm; quanh thành đặt 16 cửa: 8 cửa trông lên cạn, 8 cửa trông xuống nước; trong thành, triều, chợ, miếu, nghè, kho, đụn, dương, đống, nhất-thiết đủ cả. Xửa-sang đâu đấy, Tử-Tư đón Hạp-Lư ở Mai-Lý dời kẻ chợ sang đó, đặt tên thành là thành Cô-Tô. Lại kén rất nhiều quân dân, dậy bảo trận bộ, trận thủy và phép cưỡi ngựa, bắn cung; lại đắp một vòng thành ở phía nam núi Phượng-Hoàng, để giữ người Việt, gọi là thành Nam-Vũ; lại đắp một lò đúc gươm ở núi Ngưu-Thủ, đúc vài nghìn gươm gọi là gươm *biển-chư*; lại tìm được hai người thợ đúc gươm tên là Can-Tương và Âu-Dã-tử, sai đúc một đôi gươm báu gọi là *can-tương* và *mạc-gia*. Công việc tạm yên, Tử-Tư đem đôi gươm báu vào triều dưng Hạp-Lư và tâu bày các việc. Đương khi bàn bạc, sịch có người bên Sở tên là Bá-Phỉ xin vào yết-kiến. Hạp-Lư hỏi Tử-Tư:

— Bá-Phỉ là người thế nào ?

Tử-Tư tâu :

— Bá-Phỉ là con Khích-Uyển, cháu Bá-châu-Lê. Bá-châu-Lê ngày xưa đã bị vua Sở giết oan. Mới rồi thần nghe Khích-Uyển lại bị Phí-vô-Cực dèm-pha, khiến cho vua Sở đốt nhà và giết cả nhà Khích-Uyển; chỉ có Bá-Phỉ chốn thoát. Vì hắn nghe thần ở đây, nên mới đến đây, xin Đại-vương vì thần mà bao dong hắn, thì thần được đội ơn khôn xiết.

Hạp-Lư nghe nói, sai đòi Bá-Phỉ vào riều mà bảo rằng :

— Quả-nhân ở chỗ hẻo lánh xứ bể Đong, nghe thấy tiền-nhân nhà ngươi bị oan về sự tàn-nhẫn của vua Sở, và nhời dèm-pha của Phí-vô-Cực, quả-nhân cũng áy-náy thay. Nay nhà ngươi chẳng quản nước Ngô xa-sôi, mà cố công trèo đèo lặn suối tới đây, chắc có điều gì hay để dạy quả-nhân.

Bá-Phỉ tâu :

— Đại-vương rộng lòng thương đến tiền-nhân nhà thần vô-tội mà bị oan, thần lấy làm cảm-khích vô hạn. Thần từ khi lưu lạc bốn phương, không biết nương tựa vào đâu, nghe tin đại-vương lấy lượng giời bể thu dùng Ngũ tử-Tư trong khi cùng-ách, cho nên chẳng quản con đường nghìn dặm, đem thân về với Đại-vương. Đại-vương cho thần sống, thần được sống; cho thần chết, thần được chết.

Hạp-Lư nghe nói thương tình, mới phong làm chức đại-phu, cho được cùng Tử-Tư bàn bạc việc nước. Khi đó có quan đại-phu là Bỵ-Ly hỏi riêng Tử-Tư rằng :

— Chẳng hay tiên-sinh sở-kiến thế nào mà tin Bá-Phỉ ?

Tử-Tư nói :

— Chỉ vì tôi với Bá-Phỉ cũng cùng một cảnh oan-khổ. Ông không nghe thấy những câu hát ở trên sông đó ru ? Trên sông người ta thường hát rằng :

« Cùng bệnh, ta thương lấy nhau,
« Cùng lo, ta phải chia đau sẻ nàn.
« Phải cung, chim lại tìm đàn ;
« Cùng nguồn, nước lại cùng tuôn một giòng.
« Ngựa Hồ chầu ngọn bắc-phong ;
« Con chim nước Việt ngóng trông mặt giời.
« Cho hay tình tính con người,
« Gần thời yêu dấu, xa thời xót thương.»

Tôi tin Bá-Phỉ cũng như nghĩa câu hát ấy, sao ông lại lấy làm lạ ?

Bỵ-Ly nói :

— Tiên-sinh mới biết cái nhẽ bên ngoài, chưa xét đến nhẽ bên trong. Tôi xem ra Bá-Phỉ mắt trông như cát, chân bước như hùm, đó là tướng hay cậy công mình, hay giết người ; tiên-sinh rất không nên thân.

Tử-Tư không cho là phải, cứ cùng Bá-Phỉ thờ Hạp Lư. Một hôm, Tử-Tư vào triều, Hạp-Lư bảo rằng :

— Ngày trước cái việc Chuyên-Chư, quả nhân đã nhờ tiên-sinh, nay còn Khánh-Kỵ quanh-quẩn ở các nước hầu, khiến cho quả-nhân ăn không ngon miệng, ngủ không yên chiếu. Vậy thì việc đó, quả-nhân lại nhờ tiên-sinh.

Tử-Tư thưa :

— Thần là kẻ bất-trung vô-lạnh, đã cùng Đại-vương mưu hại vua Liêu ở chốn nhà riêng, nay lại mưu hại con vua, sợ rằng hoàng-thiên không chứng.

— Ngày xưa vua Vũ-vương đã giết vua Trụ, lại giết Vũ-Canh (con vua Trụ); nếu mà hoàng-thiên không chứng thì sao Vũ-vương vẫn làm thiên-tử ? Nghĩa là kẻ nào giỏi chẳng dong, ta cũng chẳng dong ; có nhẽ vì sự bất-nhẫn con con mà để cái vạ lấy đình về sau hay sao. Vậy thì tiên-sinh có biết ai là dũng-sĩ như Chuyên-Chư nữa, tiến-sinh tìm giúp quả-nhân một người.

Tử-Tư ngẫm-nghĩ hồi lâu rồi nói :

— Thôi thì thần đã đem thân hương bóng Đại-vương, miễn là làm cho trọn vẹn cơ-nghiệp nước Ngô, ngoài ra cũng chẳng e gì. Ngày trước thần có biết một người, người đó cũng bé nhỏ, xin cho mưu việc.

— Cái lo của quả-nhân là lo một kẻ sức địch muôn người ; nếu người bé nhỏ, thì làm thế nào nổi việc ?

— Ấy người bé nhỏ mà là tay dũng-sĩ sức địch muôn người vậy.

— Vậy thì người ấy là ai ? Sao tiên-sinh biết là dũng-sĩ ? nói cho quả-nhân nghe.

— Người ấy họ Yêu tên Ly, người nước Ngô. Thần đã thấy hắn làm sỉ-nhục một người tráng-sĩ là Tiêu-Khâu-Tố, nên biết là tay dũng-sĩ.

— Việc hắn sỉ nhục thế nào ?

— Tiêu-khâu-Tố người ở sứ Đông, có người bạn làm quan bên Ngô, phải bệnh chết. Tố sang viếng, khi tới sông Hoài, muốn cho ngựa xuống bến uống nước. Có kẻ coi bến can rằng : « Bến này có thủy-thần rất thiêng, hay bắt ngựa lắm, ông đừng cho ngựa uống ở đấy ». Tố đáp : « Cái sức tráng-sĩ, thần nào dám rầy ». Tức thì sai đầy-tớ thả ngựa xuống bến, quả nhiên ngựa bị nước ngập (1). Tố tức lắm, cởi áo vác gươm xuống nước, tìm thủy-thần đánh nhau ; 3 ngày 3 đêm, Tố mới ở nước nhô lên, trột mất một mắt. Sang tới Ngô vào nhà người bạn, Tố hợm việc đánh nhau với thần, khinh bỉ sĩ-phu, ăn nói kiêu-ngạo, cử-tọa đều lấy làm khó chịu. Bấy giờ Yêu-Ly cũng ngồi ở đó, ngứa tiết bảo Tố rằng : « Ông ngồi với sĩ-phu mà có ý kiêu-ngạo ; chắc ông tự nhận ông là dũng-sĩ có phải không ? Tôi nghe dũng-sĩ đánh nhau, không lui gót, không đánh tiếng, đi sống về thác, không chịu tiếng nhục. Nay ông đánh nhau với thủy-thần, đã mất con ngựa, lại trột con ngươi, của mất hình tàn, đáng nhẽ chết đi là phải, mà ông còn quanh-quẩn tiếc cái sống thừa, thật là một vật vô-dụng ở trong giời đất, không nên mở mặt với ai, huống chi còn dám khinh người nữa ru ? » Tố bứt miệng không nói sao được, hằm hằm đứng dậy đi chỗ khác. Đến chiều, Yêu-Ly tan tiệc về nhà, dặn vợ rằng : « Nay ta có sỉ-nhục một anh tráng-sĩ ở đám tang nhà đại-gia, đêm nay tất hắn đến đây báo thù, mình bảo người nhà không được đóng cổng ». Vợ vốn biết Yêu-Ly là tay dũng-sĩ, nên cũng theo nhời. Quả nhiên nửa đêm hôm ấy, Tố đeo dao đến nhà Yêu-Ly, vào cổng, cổng không đóng ; lên thềm, cửa không đóng ; vào nhà, không thấy có đồ giữ mình ; Yêu-Ly vẫn sồ tóc nằm khểnh, không sợ hãi chút nào. Tố rút dao ra cầm tay, một tay túm tóc Yêu-Ly mà bảo rằng : « Ngươi có ba điều đáng chết, ngươi biết không ? » Yêu-Ly đáp : « Không biết ». Tố nói : « Ngươi sỉ-nhục ta ở đám đại-gia, đó là một điều đáng chết. Về nhà không đóng cửa, cổng, đó là hai điều đáng chết. Thấy ta vào, vẫn nằm không dậy, đó là ba điều đáng chết. Ngươi đã phạm ba điều đáng chết, có chết cũng đừng oán ta ». Yêu-Ly nói : « Ba điều ấy không phải là điều ta đáng chết, nhưng ngươi có ba điều không giỏi, ngươi biết không ? » Tố hỏi : « Ba điều gì ? ». Yêu-Ly nói : « Không biết, ta kể cho nghe : Ta sỉ-nhục ngươi ở một đám hàng nghìn con người mà ngươi không dám cãi lại, đó là một điều không giỏi ; ngươi đến nhà ta, vào cổng không đăng-hắng, lên thềm không đánh tiếng, đó là hai điều không giỏi ; rút gươm cầm tay, túm lấy đầu ta, rồi sau mới dám nói to, đó là ba điều không giỏi. Ngươi có ba điều không giỏi như vậy, mà còn dọa ta, há chẳng đáng bỉ ? » Tố nghe nói, quăng dao xuống đất mà than rằng : « Cứ như dũng-lực của ta, thiên-hạ không ai dám trêu ; ai ngờ Yêu-Ly lại cao hơn một bực, thật là dũng-sĩ nhất thiên-hạ vậy ».

— Vậy thời tiên-sinh đòi hắn vào đây cho quả nhân. Tử-Tư liền đi yết-kiến Yêu-Ly mà bảo rằng :

— Vua nước Ngô vẫn mến đại-danh của túc-hạ, xin túc-hạ vào triều yết kiến cho thỏa lòng khát vọng của vua.

Yêu-Ly thất kinh nói :

— Tôi là kẻ dân hèn ở nước Ngô, đâu dám vâng lệnh nhà vua.

Tử-Tư mới thuật ý kiến của Hạp-Lư cho nghe. Yêu-Ly bèn cùng Tử-Tư vào triều. Hạp-Lư khi trước nghe thấy Tử-Tư tán-tụng cái dũng-lực của Yêu-Ly, vẫn tưởng Yêu-Ly là một người vạm-vỡ khác

(1) Con ngựa này hoặc-giả bị giải bắt. Vì người Tầu ngày xưa tin quỉ thần, cho nên phàm sự mắt không trông thấy đều cho là thần.

thường. Khi ấy trông thấy Yêu-Ly thấp bé lủn-củn, có ý không vui lòng, liền hỏi :

— Thấy Tử-Tư sưng tụng một người dũng-sĩ tên là Yêu-Ly, có phải là ngươi đó chăng ?

Yêu-Ly thưa :

— Thần là một kẻ bé nhỏ yếu ớt, gió thổi cũng đổ, có dũng mãnh gì. Nhưng nếu đại-vương có việc sai khiến, thần xin hết sức.

Hạp-Lư nín lặng không nói sao. Tử-Tư biết ý tâu rằng :

— Con ngựa tốt, không quí ở cái hình xác cao lớn, mà quí ở cái sức mang nặng đi xa. Yêu-Ly hình-mạo tuy kém, mà trí-thuật khác thường, Đại-vương không nên coi khinh.

Hạp-Lư bèn mời vào hậu-cung cho ngồi. Yêu-Ly hỏi :

— Cái lo của đại-vương có phải là tại công-tử Khánh-Kỵ chăng ? Nếu phải người ấy, sức thần có thể giết được.

Hạp-Lư cười mà rằng :

— Dũng-lực của Khánh-Kỵ, trong đời ai không biết: sức chạy bắt được con thú lồng ; sức nhảy túm được chim bay ; một cái vỗ đùi, đi kể vài ba trăm dặm. Thật là một người xương biết bay, thịt biết nhảy, muôn người khôn địch. Khi trước quả-nhân đã đuổi hắn ở trên bờ sông, hắn chạy, ngựa đuổi không kịp, tên bắn không tới. Cứ như sức người, thì không phải là kẻ ngang tay với hắn.

— Kẻ khéo giết người, cốt có trí khôn, chứ không cứ gì sức khỏe ; nếu thần được gần Khánh-Kỵ, thì giết hắn dễ như cắt tiết gà vậy.

— Khánh-Kỵ là người minh trí có thừa, dẫu có chiêu-nạp những kẻ chốn chánh ở bốn phương, nhưng không tin người trong nước. Khi nào hắn cho người đến gần.

— Xin đại-vương giết vợ con thần, chặt tay phải thần, thần xin giả làm bị tội đi chốn, chắc là Khánh-Kỵ tin thần mà cho đến gần vậy.

Hạp-Lư ủ nét mặt mà rằng :

— Ngươi là một người không có tội, quả-nhân sao nỡ đem cái thảm-họa ấy mà xử với ngươi.

— Thần nghe những kẻ tham vui vợ con, mà không hết lòng với vua, thì không phải trung ; mến tiếc cửa nhà, mà không gánh lo cho vua, thì không phải nghĩa. Nếu thần được nên tiếng trung nghĩa thì dẫu cả nhà cùng chết, cũng là ngọt như đường vậy.

Ngũ-Tử-Tư ở bên cạnh, cũng bước lên tâu rằng :

— Yêu-Ly vì nước quên nhà, vì chúa quên mình, thật là một đứng hào-kiệt nghìn xưa ít có. Đại-vương cũng nên theo nhời. Sau khi xong việc, thì đại-vương truy-tặng cho Yêu-Ly và tìm biếu cho vợ con, cho được tỏ tiếng với đời sau. Như vậy cũng đủ.

Hạp-Lư khen phải. Hôm sau Tử-Tư vào triều, tiến Yêu-Ly làm tướng để cất quân đánh Sở. Hạp-Lư mắng rằng :

— Quả-nhân xem cái sức Yêu-Ly không bằng thằng bé con, đương sao nổi công việc đánh Sở ? Huống chi bây giờ việc nước mới hơi yên, làm gì mà đã vội dùng binh ?

Yêu-Ly bước lên nói to rằng :

— Sao đại-vương bất-nhân làm vậy ? Tử-Tư đã vì đại-vương mà giẹp định nước Ngô, đại-vương lại chẳng vì Tử-Tư mà báo thù nước Sở, sao đại-vương bất-nhân làm vậy ? »

Hạp-Lư nổi giận mà rằng :

— Đó là việc nhớn trong nước, có phải đứa kẻ quê cũng được dự bàn à ! Cớ sao dám đứng dữa triều mà trách mắng quả-nhân ?

Nói đoạn, Hạp-Lư quát vũ-sĩ bắt Yêu-Ly chặt một tay phải, bỏ vào ngục ; lại truyền bắt cả vợ con Yêu-Ly tống giam. Tử-Tư than thở một hồi rồi giở ra, quần-thần chẳng ai hiểu là ý làm sao. Cách vài ngày, Tử-Tư mật bảo kẻ ngục-lại lỏng-thỏng cho Yêu-Ly. Yêu-Ly thừa cơ chốn đi. Hạp-Lư truyền đem giết cả vợ con Yêu-Ly, đốt thây tại dữa chợ.

* * *

Yêu-Ly ra khỏi đất Ngô, suốt một giọc đường gặp ai cũng kêu oan, ngỏi đâu

cũng nói oán Hạp-Lư; chẳng bao lâu sang đến nước Vệ, tìm vào yết-kiến Khánh-Kỵ.

Khánh-Kỵ từ khi bị đuổi ở trên sông, chạy sang nước Vệ, vào ở Ngải-thành, chiêu-mộ tử-sĩ, kết-liên các nước hầu, muốn chờ dịp đánh Ngô báo thù. Khi đó Yêu-Ly xin vào yết-kiến. Khánh-Kỵ ngờ là mưu gian, đã toan không tiếp. Yêu-Ly cởi áo cho xem. Khánh-kỵ thấy tay phải cụt thật, trong bụng hơi tin, mới hỏi rằng:

— Vua Ngô đã giết vợ con ngươi, hoại thân thể ngươi, nay ngươi tìm ta để làm gì?

Yêu-Ly thưa:

— Tôi nghe Thái-tử giao kết các nước, xắp sửa báo thù, nên mới đem cái tàn-mệnh về với Thái-tử. Tình-hình nước Ngô, tôi đã biết hết, cứ như cái dũng-lực của Thái-tử, mà lại dùng tôi làm kẻ đưa đường, thì vào nước Ngô chẳng khó gì vậy. Nếu mà Thái-tử báo được thù cả, thì tôi cũng rửa được cái oan của vợ con.

Khánh-Kỵ nghe nói, cũng chưa tin lắm. Cách vài ngày, có người tâm-phúc ở Ngô sang, nói rằng vợ con Yêu-Ly thực có bị đốt ở chợ. Bấy giờ Khánh-Kỵ mới khỏi nghi. Một hôm, Khánh-Kỵ hỏi Yêu-Ly rằng:

— Ta nghe Hạp-Lư dùng Tử-Tư, Bá-Phỉ làm mưu-sĩ để dèn quân kén tướng, thế nước đương mạnh; mà ta quân hèn tướng ít, thì đánh làm sao cho được?

Yêu-Ly thưa:

— Bá-Phỉ là đồ vô-mưu, có làm gì được cả nước Ngô chỉ có Ngũ-tử-Tư là người đủ cả trí dũng, nhưng nay đương căm vua Ngô, chắc không khi nào giúp đỡ, thì ta cũng chẳng ngại lắm.

— Tử-Tư là ân-nhân của Hạp-Lư, vua tôi rất tương-đắc, sao ngươi lại bảo là họ căm nhau?

— Thái-tử không rõ, Tử-Tư sở-dĩ hết lòng giúp Hạp-Lư là muốn mượn quân đánh Sở. Nay Bình-vương đã mất, Phí-vô-Cực cũng bị Nang-Ngõa giết chết. Hạp-Lư không còn lo gì, chỉ cứ yên hưởng phú-quí, không tưởng đến sự báo thù của Tử-Tư. Tôi thấy vậy ngứa miệng nói giúp Tử-Tư một câu, mà hắn tức giận, trị tôi một cách thảm hình, và mắng Tử-Tư tàn nhẫn: từ đó Tử-Tư mới sinh căm-tức. Tôi sở-dĩ ra thoát của ngục, cũng là nhờ ở ông ta. Dịp này mà Thái-tử không thừa cơ kéo quân về Ngô, hễ vua tôi họ hòa nhau, thì cái thù của tôi với Thái-tử không bao giờ mà giả xong được vậy.

Khánh-Kỵ lấy làm phải, mới dùng Yêu-Ly làm người tâm-phúc, cho ở Ngải-thành, luyện-tập quân-sĩ, xửa-sang thuyền bè. Trong ba tháng, quân-sĩ đã giỏi, thuyền bè cũng đủ, mới đốc quân chèo thuyền xuôi xuống hạ-lưu để đánh úp nước Ngô. Trong khi chầy quân trên sông, Khánh-Kỵ ngồi ở đầu thuyền, Yêu-Ly kén chỗ ngọn gió, một tay cắp mâu đứng hầu, lừa lúc Khánh-Kỵ ngảnh đi, Yêu-Ly mượn sức gió cầm ngọn mâu đâm Khánh-Kỵ một nhát suốt bụng. Khánh-Kỵ ngảnh lại cứ đeo ngọn mâu ở bụng, hai tay xách ngược Yêu-Ly dìm đầu xuống nước ba lần rồi lại ngồi xuống, đặt Yêu-Ly lên đùi cười khanh khách mà rằng:

— Dũng-sĩ thật. Còn dám động gươm vào thằng Khánh-Kỵ, dũng-sĩ thật.»

Tả-hữu toan giết Yêu-Ly, Khánh-Kỵ sua tay mà rằng:

— Chớ giết hắn, hắn là dũng-sĩ của thiên-hạ đó, có nhẽ trong một ngày mà giết hai anh dũng-sĩ của thiên-hạ hay sao?»

Nói đoạn, Khánh-Kỵ đẩy Yêu-Ly xuống, rút ngọn mâu ở bụng ra, máu chảy ồng-ộc, không sao cầm được. Khi đã nguy cấp, Khánh-Kỵ dặn tả hữu phải đưa Yêu-Ly về Ngô, cho tỏ lòng trung của hắn, Dặn xong thì chết. Tả hữu cứ nhời Khánh-Kỵ muốn đưa Yêu-Ly về Ngô, Yêu-Ly nhất định không đi, tả-hữu bỏi tại làm sao. Yêu-Ly nói:

— Ta có ba điều không đáng sống: một là hủy hoại vợ con, để lấy lòng vua, đó là bất nhân; hai là vì vua mới mà giết con

vua cũ, đó là bất-nghĩa ; ba là lo việc cho người, mà đến tản thân, hoại nhà, đó là bất trí. Người mà bất nhân, bất nghĩa, bất trí, còn mặt mũi nào mà sống ở đời?

Nói đoạn nhảy ùm xuống sông, thủy-thủ vội-vàng vớt lên, Yêu-Ly hỏi :

— Các ngươi vớt ta để làm gì ?.

Thủy-thủ đáp :

— Ông hãi về Ngô đợi lấy tước lộc của nhà vua đã, rồi sau sẽ chết.

— Ta có quí gì cái tước lộc của vua.

Nói đoạn, Yêu-Ly giằng lấy thanh kiếm của một tên lính chặt phăng một chân, rồi dâm cổ mà chết. Các tướng của Khánh-Kỵ đem thi thể Yêu-Ly và thi-thể Khánh Kỵ về Ngô nộp Hạp-Lư. Hạp-Lư mừng lắm, trọng thưởng cho các tướng sĩ, dùng vào quân đội; một mặt truy tặng cho vợ con Yêu-Ly, và dùng lễ thượng-khanh táng Yêu-Ly ở ngay cửa thành ; lại dùng lễ công-tử táng Khánh-Kỵ ở cạnh mộ vua Liêu ; một mặt sai người bầy tiệc yến cực to, khoản đãi quần-thần. Trong khi dự tiệc, Tử-Tư đứng dậy vừa khóc vừa tâu :

Những sự lo của đại-vương, nay đã trừ hết ; còn cái tội to của thần, biết đến ngày nào báo được !

Bá-Phỉ cũng khóc lóc xin mượn quân đánh Sở.

Hạp-Lư nói :

Việc đó để đến ngày mai sẽ bàn.

Sớm hôm sau, Tử-Tư và Bá-Phỉ cùng vào trong cung yết-kiến Hạp-Lư. Hạp-Lư hỏi :

Quả-nhân muốn vì hai ngươi đánh Sở, thì nên dùng ai làm tướng?

Hai người cùng nói :

Việc đó tùy lượng Đại-vương, lũ thần đều xin hết sức.

Hạp-Lư nghe nói nghĩ thầm : hai gã này cùng là người Sở, chẳng qua muốn nóng báo thù riêng của họ, chưa chắc đã hết sức vì nước Ngô. Ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi Hạp-Lư lên điện, hai người cũng theo lên. Hạp-Lư không nói sao, chỉ trông ngọn gió nam thở giải. Tử-Tư biết ý, bước lên tâu :

« Đại-vương lo bên Sở lắm quân nhiều tướng hay sao ?

— Phải.

— Thần cử một người làm tướng, có thể đánh Sở chắc phải được.

Hạp Lư hớn-hở mà rằng :

— Tiên-sinh cử ai, tài người ấy thế nào ?

— Người ấy họ Tôn tên Vũ, người nước Ngô ta. »

Hạp-Lư thấy nói người Ngô, có ý mừng, hỏi tắt ngay rằng :

— Vậy thì tài hắn thế nào ?

— Ông ta tinh-thông thao-lược, có tài ngang giời giọc đất, chính tay ông ta đã làm ra mười ba thiên binh-pháp, nói thấu hết các việc binh-cơ. Vì trong đời không ai biết ông ta là người tài, nên vẫn ẩn ở phía dòng núi La-Phù. Nếu được ông ta làm quân-sư, thì thiên-hạ không đâu địch nổi, chứ nước Sở chẳng thấm vào đâu.

— Vậy thì Tiên-sinh đòi hắn vào triều cho quả-nhân.

— Ông ta không như người khác chỉ thèm-thuồng sự làm quan, tất phải có lễ đến đón thì mới chịu đi.

Hạp-Lư nghe lời, truyền lấy mười nén hoàng-kim, một đôi bạch-bích, giao cho Tử-Tư đóng ngựa đến núi La-Phù đón Tôn-Vũ. Tử-Tư đi đến La-Phù vào nhà Tôn-Vũ, đệ trình vàng ngọc, và bầy tỏ tấm lòng khát-vọng của Hạp-Lư. Tôn-Vũ bèn cùng Tử-Tư xuống núi, về triều yết-kiến Hạp-Lư. Hạp-Lư xuống thềm đón Tôn-Vũ vào cung, mời ngồi, hỏi những thiên binh-pháp. Tôn-Vũ đọc cả 13 thiên cho nghe. Mỗi khi đọc hết một thiên, Hạp-Lư tấm-tắc khen ngợi. Tôn-Vũ đọc xong, Hạp-Lư ngảnh lại bảo Tử-Tư rằng :

— Cứ như binh-pháp này, thật là cái tài xuất giời thấu đất vậy ; bực vì quả-nhân nước nhỏ quân ít thì làm thế nào?

Tôn-Vũ tâu :

— Binh-pháp của thần, chẳng những dùng về sĩ tốt ; dẫu đến đàn bà con gái, nếu cứ tuân theo hiệu lệnh của thần, cũng có thể dùng làm linh trận.

Hạp-Lư vỗ tay cười mà rằng :

— Tiên-sinh nói khoác làm vậy ; chứ thiên-hạ có ai dùng được đàn bà con gái để vác giáo ra trận bao giờ ?

Nếu đại-vương cho là nói khoác, thì xin cho mượn vài trăm cung-nữ, thần sẽ thử để đại-vương xem. Nếu mà không được như nhời, thần cam chịu tội.

Hạp-Lư truyền đòi 300 cung-nữ, giao cho Tôn-Vũ diễn dậy.

Tôn-Vũ tâu :

— Xin đại-vương cho mượn hai vị ái-cơ để làm đội-trưởng, thì hiệu lệnh mới có thống-thuộc.

— Hạp-Lư lại gọi hai người ái-cơ đến trước mặt mà bảo Tôn-Vũ rằng :

— Đây là hai người rất yêu của quả-nhân, có thể làm đội-trưởng được chăng ?

Tôn-Vũ tâu :

— Người nào cũng được. Nhưng trong việc quân-lữ, trước hết phải nghiêm hiệu lệnh, thứ hai phải có thưởng phạt. Vậy xin cắt một người làm chấp-pháp, coi các điều lệ ; hai người làm quân-lại, coi việc bảo ban; hai người làm cổ-lại, coi việc chiêng trống; và vài người lực-sĩ sung làm nha-tướng cầm rìu, búa, gươm, kích, đứng ở trên đàn, cho mạnh thế quân.

Hạp-Lư ưng lời. Tôn-Vũ cắt-cử xong, phân-phó 300 cung-nữ chia làm hai đội; hai người ái-cơ đều đóng đai deo gươm, mỗi người coi một đội. Xắp-xửa đâu đấy, Tôn-Vũ giảng đọc quân-pháp vài lượt, rồi hẹn rằng :

Đầu trống canh năm ngày mai, đến cả giáo trường nghe giảng.

Sáng hôm sau, 300 cung-nữ và hai người ái-cơ đến cả giáo-trường, ai nấy mặc áo giáp, đội mũ đâu-mâu tay phải cầm gươm, tay trái xách mộc, đứng làm hai đội, chờ đợi hiệu lệnh. Tôn-Vũ lên giáo-trường chỉ bảo phép tắc, giàn thành thế trận ; rồi Tôn-Vũ sai hai người quân-lại cầm hai lá cờ vàng, đưa cho hai người ái-cơ và truyền dụ rằng:

— Hai người đội-trưởng cầm cờ đi trước quân-sĩ theo sau ; ai nấy nghe hiệu trống mà tiến, lui, quanh, lượn, không được sai lỗi nửa bước.

Dụ xong, truyền cả hai đội đều phủ-phục nghe lệnh. Một lát, Tôn-Vũ hạ lệnh rằng ;

— Hết một hồi trống, hai đội nhất-tề đứng dậy ; hết hai hồi trống, đội tả quanh sang hữu, đội hữu quanh sang tả; hết ba hồi trống, ai nấy giơ thẳng tay gươm, làm như giáng xắp sửa vào trận ; nghe thấy hiệu chiêng, hai đội nhất-tề lui lại ».

Cung-nữ nghe lệnh, ai nấy bưng miệng cười, Tôn-Vũ truyền cổ-lại nổi hiệu trống. Trống hết một hồi, cung-nữ người đứng, người ngồi, nhốn-nháo hỗn-độn. Tôn-Vũ truyền quân lại tuyên đọc quân-lệnh. Đọc xong, lại sai cổ-lại thúc trống ; bấy giờ 2 đội cung-nữ vẫn nghiêng-nghiêng ngả-ngả dựa nhau khúc-khích cười. Tôn-Vũ vén đôi tay áo, chạy sập đến, giằng dùi thúc trống, cung-nữ vẫn nhơn-nhơn như cũ, Tôn-Vũ đọc lại quân-lệnh một lần nữa ; bấy giờ hai người ái-cơ và hai đội cung nữ ai nấy cười ngặt cười nghẽo. Tôn-Vũ tức quá hai mắt dương tròn, đầu tóc dựng ngược, quát hỏi :

— Chấp-pháp đâu ?

Tên Chấp-pháp chạy đến quì ở trước mặt Tôn-Vũ.

Tôn-Vũ hỏi :

— Cố ý không theo quân-lệnh, chiếu trong quân-pháp, tội gì ?

Tên chấp-pháp bẩm :

— Cố ý không theo quân-lệnh thì phải tội trảm.

Tôn-Vũ tức-khắc quát lực-sĩ điệu hai người ái-cơ ra chém. Khi đó Hạp-Lư đứng xem ở trên điện, trông thấy hai người ái-cơ bị trói, tức thì sai Bá-Phì cầm cờ tiết xuống bảo Tôn-Vũ rằng :

— Quả-nhân đã biết cái tài dụng binh của tướng-quân : nhưng hai người ái-cơ này, hầu hạ khăn lược, rất vừa ý quả-nhân. Quả-nhân không có hai người này thì ăn không ngon, xin tướng-quân tha tội cho họ.

Tôn-Vũ nói :

— Trong đám ba quân không có phép nói đùa : thần đã lĩnh mệnh làm tướng, thì phải giữ phép làm tướng; người

tướng ở đám quân, dẫu mệnh vua cũng thông dám theo; nếu mà tha kẻ có tội, thì bảo sao được kẻ khác.

Nói đoạn, truyền lực-sĩ tức khắc chém hai người ái-cơ, bêu đầu ở trước cửa quân. Cung-nữ thấy vậy, ai nấy run sợ mất vía, không dám ngẩng mặt trông lên. Tôn-Vũ lại kén trong đội quân, lấy hai người thay làm đội-trưởng, rồi truyền quân-lại lại tuyên đọc quân-lệnh một lượt. Đọc xong, truyền cổ-lại lại nổi hiệu trống. Bấy giờ các cung-nữ tiến, lui, quanh, lượn, nhất-thiết đúng như quân-pháp, trong đội quân im lặng như tờ. Tôn-Vũ bèn sai tên chấp-pháp báo với Hạp-Lư rằng:

— Đội quân đã chỉnh-tề, xin đại-vương coi qua; cứ toán quân này dẫu bắt dẫm đống lửa, lội nước sôi, cũng không dám tránh. Nếu dùng mà đi lấy thiên-hạ cũng có thể được.

Hạp-Lư tức Tôn-Vũ chém mất hai người ái-cơ, liền sai Bá-Phí bảo Tôn-Vũ rằng:
— Quả-nhân cũng biết tướng-quân giỏi việc dùng binh, nhưng mà quả-nhân không muốn xem, xin tướng-quân cho quân sĩ giải-tán.

Tử-Tư biết Hạp-Lư có ý không muốn dùng Tôn-Vũ, lên điện can rằng:
— Việc binh là việc gở, không nên thử chơi rồi bỏ đấy. Vả lại Tôn-Vũ giết hai người ái-cơ, chính là phải phép làm tướng. Đại-vương muốn được một người tướng giỏi, để đem quân đánh Sở, làm đàn anh các nước hầu, mà lại không dùng Tôn-Vũ, thì còn ai có thể sang sông Hoài, qua sông Tứ, vượt nghìn dặm mà giao-chiến với quân Sở? Thần trộm tưởng con gái đẹp thì dễ kén, chứ người tướng giỏi thì khó tìm. Nếu đại-vương vì hai ái-cơ mà bỏ mất một người tướng-tài, khác nào tiếc cái cỏ, bỏ cây lúa vậy.

Hạp-Lư nghe nói, bèn sai mai táng hai người ái-cơ; một mặt phong Tôn-Vũ làm đại-tướng-quân sung chức quân-sư, điều-đình công việc đánh Sở.

(còn nữa).

NGÔ-TẤT-TỐ dịch thuật

時事之部

THỜI-SỰ

Một cuộc đại-hội của người Việt-Nam ở bên Pháp

Từ khi quan Toàn-quyền A. Varenne sang ta thì có một đảng, không nói, độc-giả cũng thừa biết là đảng quốc-dân liên-đảng, (Bloc nationnal), đảng-viên toàn là người thờ đế-quốc chủ-nghĩa, nổi lên bài-bác quan Toàn-quyền. Đảng ấy không muốn cho một quan Toàn-quyền thuộc đảng xã-hội cầm quyền cõi Đông-Pháp, vì ngài thẳng-mực công bình, thì cái cựu lệ áp-chế và lạm-quyền của họ phải tiêu-diệt chăng? Nên chi họ mới vào tố cáo giữa hạ-nghị-viện, và xin quan Thuộc-địa bộ Thượng thư bắt quan Toàn-quyền A. Varenne phải cắt nghĩa lời ngài đã diễn-thuyết trong hội đồng chính-phủ năm ngoái, quan Toàn-quyền đã tư điện-tín về bên Bộ để biện-giải. Sau lại có tin ông Moutet hiệp với quan nguyên Thuộc-địa Tổng-trưởng A. Hesse cùng quan thuộc-địa Tổng-trưởng Léon Perrier đứng ra

bênh-vực chính-sách của quan Toàn-quyền Varenne.

Mới đây lại có tin bên Pháp rằng: các người tri-thức Đông-Pháp ở Paris có hiệp với các người Pháp mở cuộc đại-hội-đồng, do ông Félicien Chalaye, giáo-sư khoa triết-học, hội-trưởng hội nhân-quyền làm chủ tọa, để bàn về chính-sách thuộc-địa ở Đông-pháp và cuộc công-kích ông Varenne.

Sau khi ông F. Challaye đọc bai mở hội, có ông trạng-sư Dương-văn-Giao giải thích, dịch nhiều đoạn về vụ công-kích quan Toàn-quyền Varenne, bản-báo trích dịch bản lâm-thời kết-nghị (ordre du jour) như sau này :

« Người Pháp và người Nam họp ngày 28 Mars 1926, hồi tám giờ rưỡi, tại hội-quán Pháp-quốc quốc-dân-viện nghị-hội y lời mời của các nhà thuộc-địa Đông-Pháp ở bên Pháp.

« Xét về cuộc âm-mưu của các đảng ở Pháp rất có hại cho sự tiến-hóa của các thuộc-địa, nhất là cuộc công-kích lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Alexandre Varenne gần đây, chực làm cho quan Toàn-quyền không được lưu-nhậm tại Đông-Pháp nữa.

« Xét vì trong khoảng 40 năm, nghĩa là từ năm 1886 cho đến năm 1926, toàn cõi Đông-Pháp có đến 18 vị Toàn-quyền thực-thụ và tạm-quyền, cùng 52 lần bàn giao quyền bính; bởi cớ thay đổi luôn ấy, nên mới khó mà lập được một chính-sách cho thích-hợp với quyền lợi của thuộc-địa và của nước Pháp.

« Xét vì nước Pháp ký tờ hòa-ước ở hội Liệt-quốc thì đã công nhận cái chủ-nghĩa mưu cho các dân-tộc được dần dần tự do.

« Xét vì lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền đọc tại hội-đồng chính-phủ ngày 25 Décembre 1925, không có câu nào ý nào trái với chủ-nghĩa tự do của nước Pháp dân-chủ.

« Xét vì dân-tộc và quốc-gia Việt-Nam là một dân-tộc, một quốc-gia thành-lập tử-tế, dân-tộc ấy xin với nước Pháp cho về kinh-tế, về chánh-trị, cho hợp với thời-thế buổi này.

« Xét vì đảng thực-dân đế-quốc là các nhà tư-bản tây, họ muốn giữ túi tham của họ, nên lưu ngôn rằng : quốc-dân Việt-Nam mong độc-lập ngay, lời ấy thiệt vô-lý :

Xét vì chỉ thi-hành cho sớm cái chính-sách công-bình và chủ-nghĩa dân-chủ ở Đông-Pháp, thì mới có thể làm cho dân yêu được nước Pháp mà thôi.

« Vậy định xin với Chính-phủ Pháp :

1. — « Xin lập tại Paris một « ban ủy-viên nghiên-cứu việc Đông-Pháp », ban ủy-viên ấy chọn người Pháp và người Đông-Pháp để nghiên-cứu tường-tận các vấn đề Đông-Pháp.

2. — « Lập-tức bãi lệ thay đổi Toàn-quyền ở Đông-Pháp.

3. — « Lập điều-lệ ở cõi Đông-Pháp cho hợp với trình-độ tấn-hóa của dân hiện-thời, cho có đủ quyền quyết-định để cử đại-biểu thay mặt sang nghị-viện Pháp.

4. — « Cho người Việt-Nam được hưởng nhân-quyền.

5. — « Lập tại thuộc địa một quốc-hội vì trót 56 năm trước, nước Pháp cai trị ở đây chưa lập.

NHẬT-TÂN BÁO

Việc nước lụt tại Bắc-kỳ năm nay

Bắc-kỳ ta hằng năm về vụ hạ-tấn này, vẫn thường phải lo về nạn nước sông, nhưng chưa từng thấy năm nào nước lên to và mạnh như năm nay : từ 9 giờ chiều ngày 27 Juillet (18 tháng 6 an-nam) đến 6 giờ sáng ngày 29 Juillet (20 tháng 6 an-nam), mực nước sông Cái từ 11 mètres 8 centimètres, lên đến 11 mètres 84 centimètres, tính ra trong 33 giờ đồng-hồ, nước sông lên được 76 centimètres. Các đê ở các ngọn sông, chỗ nào cũng mặt

nước mấp-mé mặt đê, so với năm Ất-mão trước (năm 1915) thì mực nước năm nay cao hơn 19 centimètres, như vậy thì các đê chẳng vỡ chỗ nọ cũng vỡ chỗ kia, tài nào giữ được chu-toàn. Cứ như ký-giả sở-văn sở kiến thì đê Bắc-kỳ năm nay, từ ngày 28 Juillet đến ngày 8 Août có những chỗ vỡ sau này:

Về tỉnh Bắc-Ninh vỡ ba đoạn :

Một đoạn ở con đê tả-ngạn sông Hồng-hà, vào quãng *ngã tư Gia-quất*, về địa-phận làng Gia-quất tổng Gia-thụy huyện Gia-lâm, cửa vỡ rộng độ 40 thước. Chỗ vỡ này ngọn nước chảy thẳng vào làng Gia-quất; trong làng, nhà cửa trôi mất nhiều, vật sản ngập mất nhiều.

Một đoạn nữa cũng ở con đê ấy và cũng gần đấy, vào địa-phận *Ái-mộ* và *Lâm-do*, cửa vỡ rộng độ 50 thước. Quãng đê này ngoài thì bãi cao, trong thì đường đá, thế đê rất là vững-chãi, ai cũng tưởng là không thể vỡ được, thế mà bỗng-nhiên thấy vỡ, không biết tại cớ làm sao, người đồ là bởi nhẽ nọ, kẻ đoán là tại nhẽ kia, nhưng xét ra chưa chắc đã đúng sự-thực.

Chỗ vỡ này ngọn nước chảy thẳng vào làng Ái-mộ, nghe rằng làng ấy nhân-mịnh thì không hại gì, nhưng mà thóc gạo ngô đậu và các súc sản trôi chìm mất nhiều, có nhà không chạy được tý gì. Lại nghe rằng trong khi khúc đê này bị vỡ, người làng Cửn và làng Cầu-Cá chết hại mất nhiều, bởi tại hai làng ấy lúc trước vẫn chắc là đê giữ được, cho nên không ai chịu chạy; đến lúc sịch vỡ, thì chạy không kịp. Tội nghiệp thay!

Một đoạn ở chỗ đê-phận *Tư-đình*, cũng gần quãng đê Ái-mộ-Lâm-do, cửa vỡ rộng độ 100 thước. Làng Tư-đình cũng tổn-hại nhiều, có nhẽ chẳng kém mấy làng Gia-quất Ái-mộ.

Thế là một huyện Gia-lâm bị ba đoạn vỡ, ngay hôm mới vỡ, mực nước ngoài sông với mực nước trong đồng chênh nhau độ 5,6 thước, ba ngọn nước thông thốc chảy vào đồng, như ở mái nhà đổ xuống, làng nào mà không ngập! nhà nào mà không trôi! Những người ở gần đê, gần đường xe lửa, hay là gần chỗ gò cao thời còn có thể đến đó mà chú chân; Những người xa đê xa đường, hay là ở chỗ đất thấp, thì còn biết chạy vào đâu, mà chạy làm sao cho kịp! Trong một giải đất phía nam sông Đuống từ Gia-lâm cho đến Hưng-yên, Hải-dương, đều bị lụt cả, nhân-mịnh vật sản, thiệt hại biết chừng nào.

Về tỉnh Thái-bình bị vỡ ba chỗ :

Một chỗ ở con đê gần ngã ba Lược tại địa phận làng *Hà-mỗ tổng Hà-mỗ*; cửa vỡ rộng độ 350 thước. Chỗ vỡ này tuy ở ngay địa-phận Hà-mỗ, mà chính làng Hà-mỗ lại không tổn-hại bằng làng Hà-xá ở bên cạnh là vì làng Hà-xá bị ngọn nước chảy xoáy vào, cho nên cửa nhà súc-sản ở trong làng mười phần trôi mất bảy tám.

Một chỗ ở con đê về hữu ngạn sông Luộc, tại địa-phận *Văn-quan*, cửa vỡ rộng độ 80 thước.

Về tỉnh Hải-dương bị vỡ ba chỗ:

Một chỗ ở con đê mé trên *Ninh-giang* 55 km, cửa vỡ ước chừng 30 thước.

Một chỗ ở con đê địa-phận làng *Thanh-động* huyện Vinh-bảo.

Một chỗ ở con đê tả-ngạn sông Lục-Nam, mé trên *Phả-lại*.

Về tỉnh **Phú-thọ** bị vỡ một đoạn nhỏ ở con đê sông Hồng-hà vào chỗ *Phú-thọ Việt-trì* giáp giới, lụt mất một vùng nhỏ ở Bạch-hạc và một phần phủ Lâm-thao.

Ngoài những chỗ vỡ đã kể ở trên, nghe còn nhiều chỗ vỡ nhỏ nữa, hoặc là ở đê tiểu-bối, hoặc là ở đường vệ-nông hay đường hỏa-xa, mà cái thế nước cũng làm lụt được năm bảy làng, hoặc một vài tổng, nhưng mà ký-giả chưa được mục-kích, cho nên không thuật hết.

Thống-kế số tổn hại về việc đê vỡ năm nay, cứ trong các báo đã đăng thì: những

điền-thổ các hạt bị lụt vì ba chỗ vỡ Gia-Lâm, có đến 5 vạn mẫu tây ; những điền-thổ các hạt bị lụt vì chỗ vỡ Hà-mỗ có đến 3 vạn mẫu tây. Lại cứ nhời một người nói truyện, thì làng Ái-mộ tổn hại về những vật-sản bị lụt tính giá ước độ 1 vạn 5 nghìn đồng bạc ; làng Gia-quất độ một vạn đồng. Trong bốn tỉnh Bắc-ninh, Hưng yên, Thái-bình và Hải-Dương, những làng bị ngập như hai làng Ái-mộ, Gia-quất biết là bao nhiêu! cứ cái số tổn hại ở hai làng như nhời người nói truyện đó mà ước-lượng ra, thì sự hại về nạn vỡ đê ở Bắc-kỳ năm nay, có nhẽ cũng chẳng kém năm Ất-mão trước.

Những khổ-trạng về cảnh nằm trên mặt nước, những thảm-tình về nỗi thiệt của hại người, cùng là những sự trộm cướp, dịch tễ vì nước lụt mà sẩy ra, thì người Bắc-kỳ ta hồ hết đã từng chải và hiểu thấu, tưởng cũng không cần nhắc lại. Chỉ đáng lo nhất là bây giờ đương mùa cầy cấy. một tháng làm, mười tháng ăn, mà nay bỗng chốc đồng liền nội cả, hóa ra vực thẳm bể khơi ; lúa mạ châu bò, phó cho trào đun sóng vỗ. Chờ cho được nước sòng xuống, nước đồng cạn, ít ra cũng một tháng nữa, bấy giờ hơi thu đã lạnh, sự cầy cấy còn ra sao, dù có cấy được cũng như không vậy. Trong một khoảng từ bây giờ cho đến tháng năm và tháng mười sang năm, ngày tháng cũng không phải ngắn; thế mà những thóc lúa cũ đã bị chìm ngập, thóc lúa mới lại không có mà tiếp theo, các nhà xẵn của còn có thể xoay đảo lần hồi, những người nghèo khó mượn vay không đắt thì ăn mặc trông vào đâu? đóng góp trông vào đâu? có nhẽ đến kẻ khỏe thì tan lạc bốn phương, mà người già yếu thì đến sa ngòi lấp rãnh. Vậy thì cái hiện-cảnh ngày nay, đã là khổ-sở đau đớn; mà tưởng đến cái thảm-họa sau này, lại là đáng sợ mà đáng thương hơn. Tuy vậy Bắc-kỳ là cũng còn nhiều nơi không bị lụt, mà ngay trong các hạt bị lụt. cũng còn nhiều nhà có tư-bản to, ai có tâm-huyết với đồng-bào, cũng nên nghĩ đến câu « *lá lành đùm lá rách* » *vậy.*

Bản-Chí xin lục sau đây bản chu-chỉ quan Thống-sứ Bắc-kỳ gởi đi các tỉnh ngày 26 tháng 6 vừa rồi, mục-đích tờ chu-chỉ này là muốn cho việc đê điều được ổn-thỏa và không có hại gì đến quyền-lợi những người có ruộng đất bên cạnh đê.

Tờ thông-tư cho quan Chánh-Kỹ sư đầu Bắc-kỳ cùng các quan Công-sứ các tỉnh và các quan thủ-hiến địa hạt quan binh

Những công việc làm đê điều là những công việc hệ-trọng, mà muốn cho thực hành được chóng công-hiệu, chóng kết, quả, thường cần phải có các quan Cai-trị với các quan bản-xứ hết sức mà làm mà các quan Công-sứ các tỉnh cùng các quan Lục-lộ lại cần phải điều-đình với nhau để cho công việc được thành-hiệu.

Chương-trình những công việc phải làm cùng việc tính toán thì do một ban Lục-lộ riêng. Hễ khi nào những chương-trình ấy đã có chữ quan trên cho thi-hành rồi, thì quan bản tỉnh cùng với ban Lục-lộ coi công-việc đó phải hợp sức với nhau cho đến lúc xong việc. Hai bên cùng phải điều đình với nhau mà gọi cho thầu ; cùng là kén những người đứng nhận việc thầu ấy ở bản tỉnh.

Có khi quan Chánh Lục-lộ coi việc đê điều không biết đích sác những người nhận việc, thì quan Chánh Công-sứ phải chú-ý xét xem căn-cước, tính hạnh và tư-bản của những chủ xin thầu ra làm sao. Được như vậy thì đỡ dùng nhầm thầu khoán mà vì nhầm nên lắm khi chậm-chễ mất nhiều công-việc, mà toàn là công-việc phải làm kíp.

Khi nào gọi thầu, thì quan Chánh ban Lục-lộ coi về việc đê sẽ tư cho quan Sứ kiểu-mẫu công-việc để xem cần bao nhiêu đất. Quan Thống-sứ sẽ chiếu luật đặt một hội-đồng bồi-thường để xét ngay về những chủ đất, theo như luật Annam.

Đến khi đã chọn được chủ thầu rồi, các quan phải xét cho chắc rằng dân bản-hạt

cùng các chủ thầu đều thuận bảo với nhau, định lấy đất ở nơi nào và tiền bồi thường là giá bao nhiêu. Nhiều khi điều đó thường không xét đến, nếu các chủ có đất thấy tự-tiện đào cuốc đất của mình thì ngăn-trở không thuận.

Quan bản-tỉnh gặp những việc đó thì cũng khó điều-đình, vì là chính những chủ thầu phải giả tiền những chỗ đất đào cuốc cho đủ đất (hoặc chủ đất ấy là tư-gia hay làng). Nhà nước chỉ đứng giữa điều đình cho đôi bên mà thôi. Vậy tôi xin nhắc các quan Chánh-sứ các tỉnh cùng các Chánh ban Lục-lộ lưu tâm về những điều khó-khăn ấy chỉ dơ vô ý một tí mà xảy ra.

Ta nên làm cho hợp lệ để tránh khỏi được thì tiện hơn. Trong quyển thể-lệ thì phải dặn trước rằng khi việc thầu đã y rồi, thì người chủ thầu trước hết phải cho nhà nước chứng nghiệm rằng mình đã cùng với dân điều-đình về việc lấy đất của dân đã, rồi mới được khởi công.

Chủ thầu có thể điều-đình thẳng với dân có đất được. Nếu khu đất là của riêng một người thì chỉ cần cho quan Sứ biết rằng đôi bên đã điều đình ổn-thỏa để xét cho hợp lệ, về sau khỏi lôi-thôi. Ví là khu đất của công thì người chủ thầu phải làm một cái đơn theo như kiểu mẫu định ở tờ thông-tư này. Khi nhận được đơn thì quan Chánh-sứ sẽ xét ngay xem những chủ thầu xin thế sao, rồi cho xã đó họp hội-đồng để bàn xong, rồi duyệt y đơn của chủ thầu mà cái đơn đó khi đã duyệt rồi thì tức là một tờ giao-kèo nhất định.

Cũng nhiều khi đôi bên không thuận như vậy thì phải nói cho quan Sứ biết ngay, quan Sứ sẽ lập một hội-đồng có quan Tổng-đốc hay là Tuần-phủ tỉnh đó, quan Chánh Kỹ-sư hạt đó cùng quan Phủ hay quan Huyện ở hạt làng ấy, mà chính Ngài là chủ tọa. Hội-đồng này sẽ đến tận nơi, và ngay trước mặt người chủ thầu cùng người chủ ruộng, hội-đồng sẽ định cách lấy đất thế nào và giá đất bao nhiêu. Hội-đồng sẽ định rõ rằng địa-giới khu đất ấy và nhiều sẵn những khu đất lấy hết là bao nhiêu, cùng giá đất bao nhiêu. Hội-đồng sẽ định rõ ràng địa-giới khu đất ấy và nhiều sẵn những khu đất lấy hết là bao nhiêu, cùng giá tiền từng khu một, hoặc từng thước khối đất lấy lên để về sau khỏi lôi-thôi.

Không ai được thay mặt hay thay quyền người chủ có đất mà định ước. Hội-đồng được tự tiện mà quyết-đoán và khu-sử tùy theo sự ích-lợi chung những công việc làm, và địa-thế, cùng sự tốt sấu của những khu đất ấy.

Nếu hai bên đều thỏa thuận rồi, thì người chủ thầu làm luôn tờ giao-kèo cứ chủ đất. Tờ giao-kèo này sẽ có chữ ký cả hai bên cùng chữ quan Chánh-sứ duyệt-y nữa, mà phải làm 4 bản (một bản giao về sở Lục-lộ, một bản để tòa-sứ, còn mỗi bên giữ một bản).

Nếu hai bên không bằng lòng thì hội đồng sẽ làm tờ biên-bản, kể rõ trong tờ ấy, và ước xem khu đất đáng giá là bao nhiêu (theo chỉ-dụ năm thứ sáu đức Minh-Mạnh), rồi bảo người chủ đất phải giao đất cho người chủ thầu.

Ví bằng tự ý người chủ thầu không tuân hội-đồng mà lại không định lấy miếng đất nào khác cả, thì hội-đồng cũng bắt tạm lấy miếng đất đã định mà tiền thuê đào lấy đất sẽ trừ vào số tiền thầu.

Nếu người thầu nhất-định không lấy miếng đất và không chịu khởi công trong hạn đã định, thì nhà nước sẽ bảo cho chủ thầu biết rằng việc thầu ấy sẽ bãi mà nhà nước sẽ làm lấy : sự thành bại người chủ thầu vẫn phải chịu trách-nhiệm.

Những cách-thức vừa nói thì phải làm cho chóng, Hội-đồng sẽ hạn cho người chủ thầu 8 ngày kể từ ngày giao cho tờ duyệt-y các khoản thầu, hay là tờ biên-bản thầu phải cho quan Chánh Lục-lộ hay quan Kỹ-sư bản-hạt biết rằng mình định lấy đất ở khu nào. Trừ ra việc cần kíp lắm mà quan Sứ đã định với quan Chánh Lục-lộ hay quan Lục-lộ bản-tỉnh thì bao giờ cũng phải đợi cho bên chủ đất và bên chủ thầu điều-đình ổn-thoả đã, hay là hội-đồng hàng tỉnh đã định xong rồi mới khởi công được.

Những hạn định để trước khi làm những công việc này, thì tùy ý các quan Sứ liệu định cho được chóng thì hơn và tôi xin ủy quyền luôn cho các quan Sứ để cử người vào hội-đồng và họp hội-đồng ấy cho khỏi chậm-chễ.

Sở Lục-lộ cùng tòa Sứ phải điều-đình với nhau từ lúc khởi-công cho đến lúc hoàn thành, sở Lục-lộ sẽ cho tòa Sứ biết những sự gì trở-ngạnh có thể xảy ra, thứ nhất là sự mộ nhân-công, và công việc làm thế nào? Hễ có thấy đôi ti khác về những chỗ đã định trước thì phải kíp nói cho tòa Sứ biết ngay.

Về phần các quan Sứ thì phải năng đến nơi luôn mà xem xét hoặc phái các quan bản-hạt xét xem công việc có chạy không. Có thấy việc gì xảy ra hay là khó làm thì sẽ kíp báo cho quan Chánh Lục-lộ biết. Quan Sứ sẽ hết sức làm cho việc mộ nhân-công cho được dễ-dãi và cho lợ tiện-nghi mà làm việc ở những xuống cốt-yếu trước.

Giá cứ y thức như thế mà làm và theo được thời-kỳ nhất định mà khởi công, nghĩa là năm nào cũng khởi công vào *đầu tháng một tây* thì ta có thể chắc rằng những sự xảy ra làm lại công-dân mỗi ngày một bớt. Chỉ có khi nào nước đang lên, hay gặp một sự cần kíp quá lắm, thì mới cần cưỡng sai đến dân-phu.

Khi nào vì việc công-ích mà cần phải cưỡng sai đến đám dân-phu ấy, thì tôi xin các quan Tây Nam hàng tỉnh tận-tâm giúp đáp sở Lục-lộ làm việc cho được mau-mắn. Ấy bên Lục-lộ và bên Cai-trị cũng chỉ cần đồng-tâm hiệp-lực nhất những lúc bảo-hiểm ấy.

***

Những thể-lệ đây mà tôi thông tư để nhắc các quan về việc làm đê-điều thế nào thì làm các công-ích khác về điền-thổ như khơi sông, sẻ rãnh, mở đường rộng ra, hay là chặt bớt đường đi, vân vân... đều cũng theo như vậy.

Làm việc công-ích nào cũng thế, hễ cần phải lấy nhà cửa đất cát của dân, thì quan Chánh-sứ cứ theo thể-lệ mà làm, hễ mộ nhân-phu có khó-khăn, làm việc có trở-ngại điều gì, thì các quan Sứ phải hết sức giúp sở Lục-lộ cho được công-hiệu và sở Lục-lộ có gì khó-khăn phải cho tòa Sứ biết.

Xin các quan nhận được tờ thông-tư này thì báo cho tôi được biết và xin chú-ý đến tờ thông-tư này mà thi-hành.

René ROBIN

Việc tư-pháp. — Trong khoảng bốn tháng giời, xét-sử ba ông quan

Ba ông quan ấy là ai? làm quan ở đâu? Một ông tên là *Lê-Đình*, 43 tuổi, nguyên tri-huyện Phú-Lương, thuộc tỉnh Thái-Nguyên; một ông tên là *Lê-Liêm*, 55 tuổi, nguyên tri phủ Lạng-Giang, thuộc tỉnh Bắc-Giang; còn một ông nữa tên là *Trần-văn-Tốn*, 42 tuổi, nguyên tri-huyện Tam-Nông thuộc tỉnh Phú-Thọ.

Ba ông ấy đều là con nhà tử-tế cả: ông Lê-Đình là con cụ Lê-Hoan, người ở Mọc, thuộc tỉnh Hadong; Cụ trước làm Khâm-sai Bắc-kỳ đi dẹp giặc để Thám, Cụ rất trung thành với nước Đại-Pháp là nước có nhân-từ đại-độ hiện đương bảo-hộ nước ta; một tay Cụ đã tiễu-trừ được bao nhiêu đảng phản-kháng, đảng phiến-động đạo-tặc làm phương-ngại việc trị-an của chánh-phủ; những cái tài chỉnh-trụ của Cụ, những cái công hiển-hách của Cụ, tưởng dân ta hẳn còn ghi nhớ đời đời không ông bao giờ quên. Ông Lê-Đình do chân tập-ấm của Cụ mà xuất thân. Ông này tuy không đỗ đạt gì, song cái tư-cách lại-trị của ông đã từng hấp-thụ được sẵn ở chốn gia-đình, nên lúc lâm dân cũng có nhiều điều xuất-sắc, khảng-khái kinh nhân. Ông Lê-Liêm là con cụ Lê-hữu-Tạ, người tỉnh Sơn-Tây, cũng do chân tập-ấm mà xuất thân. Ông này là người hào-phóng, vợ con nhiều, ăn tiêu rộng, tuy không lấy gì làm trọng nghĩa, nhưng được cái tính khinh tài. Còn ông Trần-văn-Tốn thì do chân tú-tài xuất thân, người tỉnh Nam-Định, nghe đâu đời trước cũng có một

vài người đỗ-đạt hay làm quan thời phải. Ông này tuy không có thần-thế như ông Lê-Đình, không được hào-phóng như ông Lê-Liêm; song nghe rằng được cái nhẫn-nhục; được cái chịu khó, phàm sự hễ nhẫn-nhục mà được thì dẫu nhục đến đâu cũng không hổ người, hễ chịu khó mà được thì dẫu khó đến đâu cũng không kỳ-quản, ấy chỉ vì thế mà việc gì cũng được thành công.

Kể lý-lịch của ba ông như thế mà bị tiếng phải đem ra xét-xử trước viện Tư-pháp thì ai mà chẳng ái-ngại cho ba ông.

Việc ông Lê Đình xử ngày 1er Avril 1926, vào hồi 8 giờ sáng. Đáng nhẽ việc xử từ hôm 20 Mars 1926; song cả ngày hôm ấy mới lỏi hết chứng tá và xét lý-lịch của người bị cáo, tòa chưa xét kỹ hết được các lời lẽ ở trong hồ-sơ, nên lại hoãn đến 1er Avril mới xử. Tất cả 15 người chứng-tá thì 13 người về bên nguyên-cáo, 2 người về bên bị-cáo. Cứ như các giấy má và lời lẽ ở trong hồ-sơ thì nguyên có lũ tên Trần-quý-Phúc làm ruộng ở Thái-Nguyên và Nguyễn-văn-Sinh làm thư-ký hội-đồng làng Bá-sơn thuộc huyện Phú-Lương có đơn thưa tại quan Công-sứ tỉnh Thái-Nguyên ngày 5 Juin 1925 rằng: trong khoảng tháng hai tháng ba tây, năm 1925, chúng có chung nhau góp cả hai người được một đồng bạc mà mua một phiếu đánh số về việc « Trận-vong-tướng-sĩ kỷ-niệm-đài » ở Hanoi; số phiếu là 70. 134, khi biết tin số phiếu ấy trúng 500 đồng bạc thì ông huyện Lê-Đình lập mưu lấy mất của chúng mọi lẽ.

Khi tòa Thượng-thẩm bắt đầu xử, quan Chánh-tòa cho gọi ông Lê-Đình vào, rồi ngài yên-ủi một câu rất sấu-sa đau-đớn rằng: « *Ông là con một ông quan đại-thần có danh tiếng, nay bị đến đây ngồi vào cái ghế của thằng tù, để cho tòa xét-xử, thì cũng ái-ngại lắm nhỉ ?* » Ngài nói xong, liền đọc tờ cáo-trạng lược như đã kể ở trên, rồi cho ông Lê-Đình được phép trống cãi. Ông Lê-Đình nhất vị cãi cái phiếu số ấy là của ông, trạng-sư Bona cũng hết sức biện-hộ cho ông; song cứ lời khai của chứng-tá và xét ở trong cái phiếu số ấy lại có ba chữ ký « Nguyễn-văn-Sinh », thì rõ-ràng là của Nguyễn-văn-Sinh, chứ không phải là của Lê-Đình.

Tòa chiếu hình-luật điều thứ 273, 321 và 322, phạt ông Lê-Đình một năm tù, án treo, truyền rằng số 500$ được trúng số sẽ phải hoàn lại cho nguyên-chủ, và phạt ông Lê-Đình phải chịu hết cả các tiền lệ-phí.

Việc ông Lê-Liêm xử vào ngày thứ bẩy 15 Mai 1926. Tòa đòi tất cả 13 người chứng ra đối chất. Trước khi xử, quan Chánh-án có đọc qua cái lý-lịch tốt đẹp của ông Lê-Liêm để cho công chúng nghe, đại-khái rằng: « *Ông Lê-Liêm là con một ông quan đại-thần, bê-tha cờ bạc, thuốc-sái quanh năm, có 7 vợ, 20 đứa con, xưa nay đã bị nhiều lần khiển-trách.* »

Cứ các giấy má và các lời lẽ ở trong hồ-sơ thì trong đêm hôm 19 rạng ngày 20 tháng 5 năm ngoái (9 ou 10 Juillet 1925), có tên Nguyễn-văn-Yên vào ăn cướp nhà Phạm-hợp-Đê ở làng Mỹ-Đồ thuộc phủ Lạng-Giang. Ông Phủ Lê-Liêm bắt được quả tang có cả khí-giới. Khi bẩm lên Tòa-án Đệ-nhị-cấp thì chỉ nói bắt được tên gian-phi giải-nạp mà thôi, chứ không nói đến có khí-giới và không đệ-trình tang vật làm bằng. Tòa xét ông Lê-Liêm quả có dụng tình bỏ khoản bắt được khí-giới để gỡ bớt tội cho tên Nguyễn-văn-Yên, thì phạm vào tội làm tờ bẩm giả-mạo. Ông Lê-Liêm chối cãi rằng vì nhiều việc quên nhẵng đi, chứ không phải là cố ý. Trạng-sư De Saint-Michel Duneza biện-hộ cho ông Lê-Liêm rất lắm. Song xét các lời cung-khai của chứng-tá thì ông Lê-Liêm quả có tội thực. Tòa chiếu theo hình-luật điều thứ 102, 321 và 322 phạt ông Lê-Liêm một năm tù, án treo, và bắt chịu tất cả các tiền lệ-phí.

Việc ông Trần-văn-Tốn thì xử vào hôm thứ hai, 26 Juillet 1926, bắt đầu từ 3 giờ chiều đến mãi 9 giờ đêm mới song. Cứ như lời quan Chánh-án đọc lúc bắt đầu khai phiên tòa thì ông Trần-văn-Tốn nguyên-can vì khoản « ăn tiền, im việc án mạng mẹ con thị Chuột xảy ra trong địa-hạt mình,

khi việc đã đem về phòng Dự thẩm ở tòa Thượng-thẩm để xét rồi mà vẫn còn đến ngót một trăm lá đơn của dân hạt Tam-Nông kiện ông về tích ăn hối-lộ; quan Phó-trưởng-lý thấy nhiều đơn quá mà xét về khoản bối-lộ không có đủ chứng-cớ làm bằng, nên ngài xin bỏ cái khoản hối-lộ đi, chỉ đem một việc " im cái án mạng mẹ con thị-Chuột ", chiếu vào điều thứ 99 trong hình-luật về khoản «*trễ nải xét đơn kiện*», xin tòa xét-xử. Việc này tòa đòi có 6 người chứng đến đối chất. Nguyên người chủ cho mẹ con thị Chuột thuê nhà, một hôm thấy mẹ con thị Chuột đi mất thì lên trình-huyện, mà cả hai mẹ con thị-Chuột thì đã bị người ta vì sự ghen-tuông mà giết chết rồi; ông Huyện có làm tờ bẩm tiên-tương, nhưng không biết vì lẽ gì mà mãi tận năm ngày giời, quan Đại-lý Hưng-Hóa mới tiếp được tờ bẩm. Quan Đại-lý cho là ông Huyện ăn tiền mà trầm việc án mạng đi, ông Huyện thì viện lẽ còn đương xét hỏi chưa song, nên chỉ mới có bẩm tiên-tương mà thôi. Có trạng-sư Bona biện hộ cho ông huyện. Tòa chỉ xét một lẽ rằng: trong điều 99 ở hình-luật thì nói « ai trễ nải xét đơn kiện của dân thì phạt từ 7 đồng đến 200 đồng bạc », mà việc án thị-Chuột thì chỉ có tờ trình, chứ không có đơn kiện. Nên tha cho ông Trần văn-Tốn được trắng án.

Thế là việc ba ông quan kết liễu. Trong khoảng bốn tháng giời, ...

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

.

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

Bản-chí mới tiếp được hai quyển sách gửi tặng, xin giới thiệu với đồng-nhân như sau này:

Một quyển "*Gương Thiếu-niên*" của ông Phạm-Dật Công và ông Phạm Mộng-Tiên. Trong sách có những tiểu-thuyết đoản-thiên dịch ở các sách Tây, Tầu, ra; lại có *lời phê bình; các tiểu-thuyết* đó chọn giặt những truyện nghĩa hiệp, có thể gây cho bọn thiếu-niên có chí khí; như trong quyển thứ nhất có những truyện: *Buổi học sau cùng* dịch ở sách Contes du Lundi của A. Daudet, — *Phép công hiệp nữ, Cái sóng khuynh thành, Chút ơn tri-kỷ*, là những truyện Tầu và Nhật. Muốn cho sách được phổ-thông, nên giá bán rất rẻ: như quyển nhất, giấy 56 trang mà giá 0$10. Sách này do nhà in Long-Quang ấn hành, có bán tại tất cả các hàng sách.

Một quyển của ba ông giáo: Nguyễn-hoài-Đĩnh, Nguyễn-Điền, và Nguyễn-bá-Phổ, nhan đề là: "*La Langue française expliquée en Annamite*"; trong có độ hơn hai chục bài văn Tây giải thích ra quốc-âm thật kỹ-càng, mỗi một bài có ba bài giảng: một bài trước-hết giảng tiếng một; một bài dịchnghĩa cả bài văn Tây, rồi lại một bài nữa giảng về mẹo-luật văn-pháp. Sách giấy hơn 200 trang, giá bán 0$80; thật là một quyển sách ích lợi cho học-trò các trường và cho những người đã đứng tuổi mà còn muốn luyện chữ Pháp. Bán ở nhà ông giáo Đĩnh, ở trường Yên-Thành Hanoi, và ở các cửa hàng sách; nhà in Nghiêm-Hàm ấn-hành.

Cáo việc riêng

Ngài nào có quen ông **Phan-tam-Khác** *(người làng Quỳnh-lôi, tỉnh Nghệ-an, nguyên làm tổng-sư ở Thanh-Hóa) mà biết ông hiện nay ở đâu, xin làm ơn nhắn giúp rằng: « Bản-chí chủ-nhân lâu nay nhớ ông lắm, xin mời ông về chơi. » Đa tạ.*

An-Namtạp-chí

LỆ DĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	14$00
Một trang	8,00
Nửa trang.	4,50
Góc trang	3,00

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 %. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

